

NGUYỄN HOÀNG LUẬT

---❖---

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**dự án TRẠI CHĂN NUÔI GÀ
THỊT NGUYỄN HOÀNG LUẬT**

Cầu Kè, tháng 1 năm 2024

NGUYỄN HOÀNG LUẬT

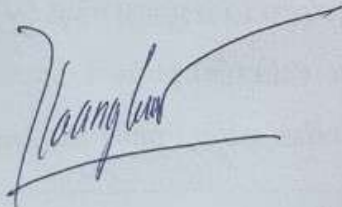
---❖---

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

dự án TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT NGUYỄN HOÀNG LUẬT

CHỦ DỰ ÁN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN



ÔNG NGUYỄN HOÀNG LUẬT



Tử Chi Thiên

Cầu Kè, tháng 1 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iii
DANH MỤC BẢNG.....	iv
DANH MỤC HÌNH.....	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
1.Tên chủ dự án đầu tư:.....	1
2.Tên dự án đầu tư:.....	1
3.Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:.....	2
4.Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:.....	7
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	9
1.Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	9
2.Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	10
Chương III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	12
1.Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	12
2.Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	15
3.Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án.....	15
Chương IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	18
1.Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.....	18
2.Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	31
3.Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	44
4.Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	45
Chương V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	47

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của dự án đầu tư “Trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Hoàng Luật”

1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	47
2.Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có.....	48
3.Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:.....	48
Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	49
1.Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	49
2.Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	49
3.Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	50
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	52

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên - Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
18	BTCT	Bê tông cốt thép
19	CTRYT	Chất thải rắn y tế

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Sản phẩm của dự án	7
Bảng 2. Định mức nước uống cho gà.....	8
Bảng 3. Định mức lượng nước vệ sinh 1 chuồng sau mỗi đợt nuôi	8
Bảng 4. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí	11
Bảng 5. Kết quả thử nghiệm mẫu nước mặt tại khu vực dự án	16
Bảng 6. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí	17
Bảng 7. Mức ồn tối đa của các máy móc, thiết bị.....	24
Bảng 8. Mức ồn của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới	25
Bảng 9. Bảng xác định mức âm gia tăng.....	26
Bảng 10. Mức độ rung động của một số máy móc, thiết bị thi công.....	28
Bảng 11. Khối lượng chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi tại dự án	36
Bảng 12. Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án	38
Bảng 13. Dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT	44
Bảng 14. Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm trong nước thải	47
Bảng 15. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	50

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Quy trình hoạt động tại dự án	2
Hình 2. Quy trình vệ sinh chuồng trại.....	6
Hình 3. Sơ đồ tính toán khi có nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn có cường độ âm khác nhau.....	26
Hình 4. Cấu tạo bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt	33

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: (Ông) Nguyễn Hoàng Luật
- Sinh ngày: 05/09/1992
- Địa chỉ: Ấp Tân Qui II, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.
- Căn cước công dân số: 086092002933 cấp ngày 21/09/2022 do Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp.

2. Tên dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: **TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT NGUYỄN HOÀNG LUẬT**
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Dự án được thực hiện tại thửa đất số 542 tờ bản đồ số tờ 35 tại ấp Ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh, với tổng diện tích thực hiện dự án là 5.900 m².

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Dự án chăn nuôi gà có quy mô 19.000 con/đợt nuôi. Theo nghị định số 46/2022/NĐ – CP ngày 13/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi, số đơn vị vật nuôi của dự án là 95 (quy mô chăn nuôi: 19.000 con trên tổng số lượng gà trong trại bao gồm gà con và gà thịt).

+ Căn cứ mục 16, Phụ lục II nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và của dự án là 19.000 con/đợt nuôi (tương đương 95 đơn vị vật nuôi) thì xác định dự án thuộc nhóm III.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 thì dự án thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy phép môi trường.

Nhằm thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành trong công tác bảo vệ môi trường, ông Nguyễn Hoàng Luật (đơn vị chủ đầu tư) phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) lập

báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư “**Trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Hoàng Luật**” để trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

a. Công suất hoạt động của dự án

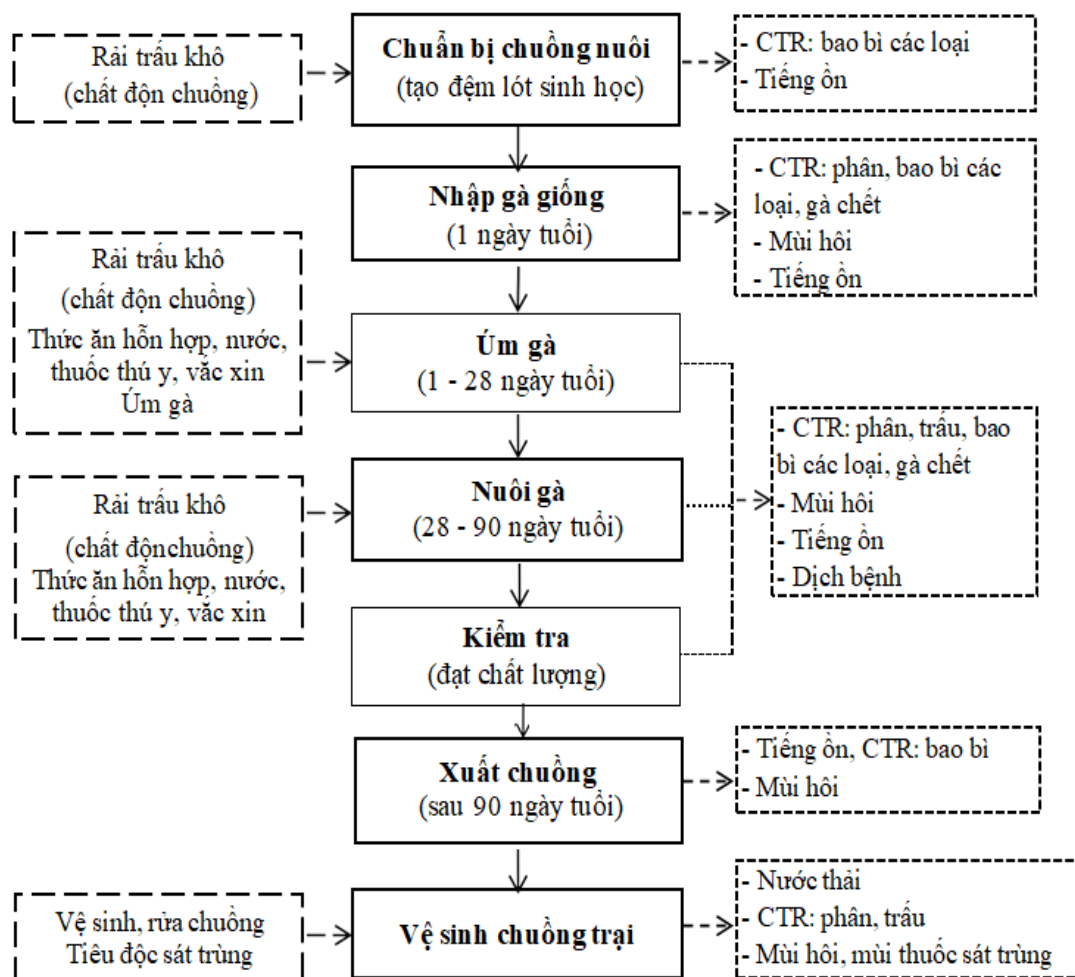
- Dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích 5.900 m². Tổng diện tích các hạng mục công trình của dự án là 5.900 m² bao gồm dãy trại nuôi và các hạng mục công trình khác như kho chứa thức ăn, sân đường nội bộ,...

- Công suất hoạt động của dự án chăn nuôi gà Nguyễn Hoàng Luật: Hiện tại dự án nuôi khoảng 19.000 con/đợt nuôi và công suất tối đa của trại là 19.000 con/đợt nuôi mỗi đợt nuôi khoảng 90 ngày xuất chuồng. Thời gian cách nhau giữa các đợt nuôi của trại khoảng 20 ngày.

- Công nhân làm việc tại dự án chăn nuôi: 2 nhân viên trực tại trại.

b. Công nghệ sản xuất của dự án

- Quy trình hoạt động của dự án chăn nuôi gà Nguyễn Hoàng Luật:



Hình 1. Quy trình hoạt động tại dự án

Thuyết minh quy trình hoạt động tại dự án:

* *Chuẩn bị chuồng nuôi: Quy trình tạo đệm lót sinh học (chất độn chuồng):*

Đệm lót sinh học tại dự án với thành phần chính là trấu, khi nhập về trại được xử lý sạch sẽ, trong quá trình lót sàn chuồng nuôi tiếp tục được khử trùng sạch sẽ. Các bước thực hiện khi sử dụng đệm lót đảm bảo vệ sinh và quy định tại dự án như sau:

Bước 1: Rãi trấu lên toàn bộ nền chuồng, sau đó thả gà vào. Chất độn chuồng khi úm gà con trải dày 4 cm (gà lớn dày 10 cm).

Bước 2: Sau 7 – 10 ngày, quan sát trên bề mặt chuồng, khi thấy phân rải kín, dùng cào cào sơ qua lớp mặt đệm lót (cần quây gọn gà về 1 phía để tránh gây xáo trộn đàn gà).

+ Thời gian sử dụng: Một đệm lót nền chuồng được xử lý tốt có thể kéo dài thời gian sử dụng từ 1 đến 2 đợt nuôi.

+ Độ dày đệm lót: Nếu chất độn mỏng sẽ có thời gian sử dụng ngắn hơn so với chất độn dày (10 – 20 cm).

+ Chế độ bảo dưỡng: Sau vài ngày chăn nuôi, cào trên bề mặt đệm lót một lần để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân sẽ được phân hủy nhanh hơn. Tránh để bị nước mưa và nước ở máng uống làm ướt đệm lót.

* *Nhập gà giống:*

Nguồn gà giống được ông Nguyễn Hoàng Luật mua từ Công ty Việt Lai và cung cấp cho dự án bằng xe tải.

- Nguyên tắc chung trong chăn nuôi của dự án chăn nuôi gà Nguyễn Hoàng Luật:

+ Chuồng nuôi, khu vực cách ly, chất độn chuồng, dụng cụ chăn nuôi phải được khử trùng và để trống ít nhất 3 tuần trước khi nhập gà.

+ Phải thực hiện “cùng vào, cùng ra” một giống gà cùng độ tuổi trong một khu vực chuồng nuôi.

+ Phải cho uống nước trước khi cho ăn trong mọi giai đoạn.

+ Không khí trong chuồng nuôi phải được lưu thông thường xuyên nhưng vẫn phải đảm bảo ấm về mùa lạnh, mát về mùa nóng và độ ẩm phù hợp với từng giai đoạn.

* *Úm gà:*

- Công tác chuẩn bị chuồng nuôi:

+ Chuồng nuôi và thiết bị phải được rửa sạch, sát trùng và đặt vào vị trí đúng lúc. Trước khi thả gà, toàn bộ chuồng nuôi phải được sưởi ấm 4 giờ trước khi nhận gà về. Phải luôn kiểm soát nhiệt độ quây úm (sưởi) phù hợp với gà con, không để gà con bị lạnh. Nên dựa vào các biểu hiện của gà con để điều chỉnh nhiệt độ úm (sưởi).

+ Chất độn chuồng (trấu) khi úm (sưởi) gà con trải dày 4 cm (gà lớn dày 10cm). Máng ăn, máng uống phải phù hợp cho lứa tuổi gà.

- Quây úm (sưởi) gà con:

+ Dự án sử dụng úm (sưởi) bằng bóng đèn sưởi: Hạ thấp bóng đèn sưởi nằm vị trí giữa sao cho gà con phân tán đồng đều. Bóng đèn sưởi được thiết kế để sưởi cho 1.000 gà con 1 ngày tuổi.

+ Khi gà con về, gà phải được thả vào quây sưởi ngay càng nhanh càng tốt. Chú ý trong việc thả gà độ đồng đều, số lượng gà trong mỗi quây. Gà con phải được ăn uống ngay.

+ Tổng lượng thức ăn tối đa cho ăn mỗi ngày được chia đều ra cho ăn trong ngày. Thông thường cho ăn 6-8 lần/ngày để thúc đẩy cho gà ăn được nhiều.

+ Để thúc đẩy sự phân tán đều của gà con, ánh sáng chụp sưởi phải tăng lên đến mức cần thiết 2 - 3 ngày sau đó phải bật đèn chiếu sáng trong chuồng.

+ Trong thời gian úm gà cần quan sát thời điểm nhiệt độ môi trường thấp nhất. Từ 12 giờ đêm đến 5 giờ sáng, thời điểm này trong quây úm gà thiếu nhiệt nên che đậy trên quây úm kín hơn để đủ nhiệt độ cho gà con. Nếu nhiệt độ úm lên cao gà con há miệng thở thì phải vén hở trên quây úm hoặc tắt bớt bóng điện khi thời tiết nóng bức hoặc buổi trưa.

+ Nhiệt kế treo cao hơn đầu gà con từ 2 đến 3 cm và giữa hai bóng điện là phù hợp để theo dõi.

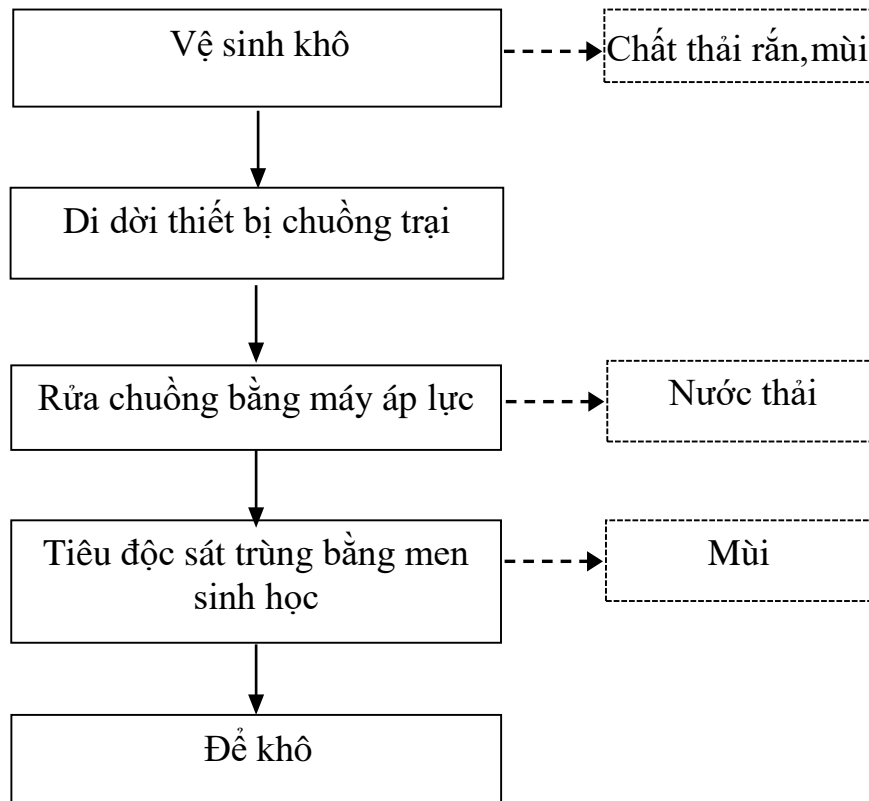
+ Nhiệt độ úm gà con:

- Từ 1-3 ngày: 35-36⁰C
- Từ 4-7 ngày: 34-35⁰C
- Từ 8-14 ngày: 33-34⁰C
- Từ 15-21 ngày: 32-33⁰C
- Từ 22-28 ngày: 30-31⁰C

- Từ 29-35 ngày: 28-29⁰C
- Trên 35 ngày tuổi theo nhiệt độ môi trường
 - * Chăm sóc gà con (vận chuyển đường dài, mới nhận gà về):
 - Cho uống:
 - + Pha 20g (Bio) Vita electrolyte + 500g đường Glucoza + 20g Vitamin C vào 10 lít nước cho gà uống liên tục 6 giờ đầu tiên (để bù mất nước và năng lượng do vận chuyển đường dài).
 - + Lật ngược máng ăn để cho gà uống 1 giờ đầu tiên và sau đó mới cho uống bằng máng uống. Vì lúc này gà rất thiếu nước nên cần có diện tích đứng uống rộng rãi để tránh gà tranh nhau uống làm ướt lông rất nguy hiểm.
 - + Cho gà uống đường Glucoza + Vitamin C được 6 giờ rồi mới tiếp tục pha thuốc úm gà con hoặc thuốc Colistin + Tylosin cho gà uống liên tục 3 đến 4 ngày.
 - Cho ăn: Sau khi gà được uống đầy đủ nước 1 giờ đầu tiên mới được cho gà ăn.
 - * Nuôi gà:
 - Mật độ nuôi nhốt 8– 10 con/m²
 - Trung bình mỗi ngày gà được cho ăn từ 45g đến 70g, tùy thuộc vào từng giai đoạn sinh trưởng, phát triển của gà.
 - Gà càng lớn thời gian ăn càng nhanh hơn, nên chỉ cho gà ăn vào buổi sáng và buổi chiều mát để tránh hiện tượng gà bị chết nóng.
 - Thức ăn, nước uống được công nhân cấp định kỳ vào các máng ăn, máng uống (thức ăn và nước uống được định lượng hàng ngày theo khuyến cáo của chuyên gia).
 - * Xuất bán gà:
 - Gà thịt sau 90 ngày nuôi sẽ được kiểm tra chất lượng và xuất bán (do Công ty Việt Lai bao tiêu).
 - Để đảm bảo chất lượng gà thịt, trước thời điểm xuất đàn gà 03 tuần, dự án sẽ ngừng việc tiêm các loại thuốc và vắc xin cho gà nhằm đảm bảo hóa chất đã phân hủy hoàn toàn và không còn tồn dư dư lượng ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

* Vệ sinh chuồng trại

Quy trình vệ sinh chuồng trại:



Hình 2. Quy trình vệ sinh chuồng trại

- Sau khi xuất bán đàn gà thịt thương phẩm, chuồng nuôi sẽ được vệ sinh sạch sẽ. Quy trình vệ sinh thực hiện trong vòng 20 ngày gồm các bước như sau:

+ Vệ sinh khô: Sau khi gà được xuất bán, công nhân dùng các dụng cụ thu gom phân và chất độn (chối, xẻng, bao bì,...), thời gian diễn ra hoạt động vệ sinh này khoảng 5 ngày.

+ Di dời thiết bị chuồng trại: Thiết bị máng ăn, uống, sẽ được di chuyển sang khu vực khác của chuồng nuôi. Sau đó, dùng máy xịt áp lực xịt rửa những chất thải rắn còn lại trên nền nhà nuôi.

+ Tiếp theo, dùng nước xà phòng, nước vôi 30% để phun, dội rửa lên mặt nền và thiết bị nuôi. Sau đó rửa sạch bằng nước.

+ Sát trùng: Dùng thuốc sát trùng với liều lượng phù hợp. Cần kiểm tra pH nguồn nước trước khi pha loãng. Không được dùng nước cứng để pha thuốc sát trùng vì sẽ làm giảm hoặc làm mất tác dụng của thuốc sát trùng. Dùng nước có nhiệt độ phù hợp để pha loãng thuốc.

+ Đề khô: Sau khi khử trùng bằng thuốc, cần phải để khô dụng cụ và trang thiết bị. Với chuồng nuôi, thời gian để khô trước khi thả lứa mới vào là 2

ngày.

Quy trình này phát sinh ra các chất thải chủ yếu bao gồm: Phân gà, nước thải, hơi khử trùng,...

c. Sản phẩm của dự án

- Sản phẩm của dự án là gà thịt thương phẩm. Gà khỏe mạnh không mắc các loại bệnh dịch, đạt yêu cầu kiểm định của cơ quan chức năng với trọng lượng đạt trọng lượng trung bình khoảng 2,1kg/con.

Bảng 1. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm	Số lượng		Trọng lượng trung bình	Sản lượng (tỷ lệ hao hụt 2%)	Thị trường tiêu thụ
	con/đợt nuôi	con/năm			
Gà thịt thương phẩm	19.000	57.000	2,1 kg/con	2,394 tấn/năm	Trong nước (Công ty Việt Lai bao tiêu)

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:

- **Nhu cầu về điện:** Điện được sử dụng chủ yếu chạy thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, các thiết bị thắp sáng trong khu vực hoạt động. Nhu cầu sử dụng điện tại trang trại khoảng 4 triệu đồng/tháng.

- **Nhu cầu về nước:** Nước phục vụ cho trang trại chủ yếu là cung cấp nước uống cho gà và nước vệ sinh chuồng trại. Chủ trang trại trang bị 01 giếng khoan để phục vụ nhu cầu sử dụng nước cho toàn dự án.

- Nhu cầu nước uống cho gà:

Thực tế nhu cầu nước uống cho gà theo độ tuổi trung bình khoảng 85 ml/con/ngày. Theo đó, tổng lượng nước cho gà uống ước tính khoảng 1,615m³/ngày.

Bảng 2. Định mức nước uống cho gà.

Số lượng			Định mức		Nhu cầu	
Chuồng nuôi	Gà (con/chuồng)	Tổng cộng (con)	Nước uống (ml/con/ngày)	Thức ăn hỗn hợp (g/con/ngày)	Nước uống (m ³ /ngày)	Thức ăn hỗn hợp (tấn/ngày)
2	9.500	19.000	85	60	1,615	1,14

- Nhu cầu nước vệ sinh chuồng trại:

Dự án quy hoạch cấp nước cho mục đích vệ sinh chuồng trại tần suất 1 lần cuối mỗi đợt nuôi.

Tiêu chuẩn nước rửa sàn mỗi lần vệ sinh: 1,5 lít/m²/lần rửa (Theo TCXDVN 33:2006)

Lượng nước sử dụng cho vệ sinh chuồng trại được tính như sau:

Bảng 3. Định mức lượng nước vệ sinh 1 chuồng sau mỗi đợt nuôi

Diện tích chuồng (m ²)	Định mức sử dụng nước rửa (lít/m ²)	Lượng nước rửa chuồng (m ³)
2.600	1,5	3,9

- Lượng nước sử dụng để vệ sinh chuồng trại khoảng 3,9 m³/đợt nuôi

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:

+ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia được quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định nội dung Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, thời kỳ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

+ Việc lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia được quy định tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Một số chỉ tiêu về bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022. Trong đó, có một số nhiệm vụ liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp như:

- Thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; tăng cường tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp.
- Duy trì và nâng cao chất lượng môi trường nông thôn.
- Kiểm soát môi trường từ các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua giấy phép môi trường.
- Đẩy mạnh xử lý nước thải từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, các làng nghề. Triển khai áp dụng các mô hình xử lý nước thải tập trung.

- Về quy hoạch sử dụng đất: Vị trí dự án không nằm trong quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng các khu chức năng của tỉnh Trà Vinh và huyện Cầu Kè đến năm 2030. Phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cầu Kè theo Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cầu Kè theo Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh.

- Hiện nay, tại khu vực hoạt động của dự án chưa có quy hoạch phân vùng môi trường nên Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chưa có cơ sở để so sánh, đối chiếu sự phù hợp của dự án với phân vùng môi trường

- Vị trí thực hiện dự án tại Ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh có tổng diện tích 5.900 m², thuận lợi trong giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm.

- Ngoài ra, dự án phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Phê duyệt rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi, các khu vực phát triển chăn nuôi tập trung và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

a. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường nước

Trong quá trình hoạt động của dự án không phát sinh nước thải thường xuyên nên không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải đối với nguồn tiếp nhận môi trường xung quanh.

b. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Trong quá trình hoạt động chăn nuôi tại Trại chăn nuôi gà không phát sinh khí thải công nghiệp. Tuy nhiên, có phát sinh mùi hôi từ quá trình phân hủy chất thải chăn nuôi. Do đó, nếu không thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, quản lý các loại chất thải chăn nuôi này sẽ gây các tác động nhất định đến môi trường không khí và công nhân viên làm việc tại dự án.

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án chăn nuôi gà Nguyễn Hoàng Luật, Chủ dự án phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh cách khu vực dự án, kết quả quan trắc như sau:

- Vị trí giám sát không khí xung quanh: Khu vực thực hiện dự án
- Thông số: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO₂, SO₂, H₂S, NH₃, CO
- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ

Bảng 4. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	56,4	-	70
2	Bụi	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	100	300	-
3	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	58	200	-
4	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	55	350	-
5	H ₂ S	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	KPH (MDL = 5)	42	-
6	NH ₃	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	KPH (MDL = 5)	200	-
7	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 9.000	30.000	-

(Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm Phụ lục)

Nhận xét: Môi trường xung quanh khu vực dự án có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Như vậy, tại thời điểm lập báo cáo chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực dự án có chất lượng tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm vẫn đảm bảo được khả năng tiếp nhận. Bên cạnh đó, khu vực dự án có diện tích rộng rãi, có nhiều cây xanh. Hệ thống cây xanh này có tác dụng góp phần điều hòa, cải thiện chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án.

Chương III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

a. Điều kiện về địa lý, địa chất

- Huyện Cầu Kè nằm ở phía tây của tỉnh Trà Vinh, nằm cách thành phố Trà Vinh khoảng 40 km về phía tây, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 230 km, có vị trí địa lý:

- Phía đông giáp huyện Càng Long
- Phía tây giáp huyện Cù Lao Dung và huyện Kế Sách thuộc tỉnh Sóc Trăng
- Phía nam giáp huyện Tiểu Cần
- Phía bắc giáp huyện Trà Ôn và huyện Vũng Liêm thuộc tỉnh Vĩnh Long.

- Toàn huyện có 10 xã, 01 thị trấn, gồm: Châu Điền, Phong Phú, Phong Thạnh, Ninh Thới, Hoà Tân, An Phú Tân, Tam Ngãi, Hoà Ân, Thông Hoà, Thạnh Phú và thị trấn Cầu kè. Tổng diện tích tự nhiên là 24.664 ha. Trung tâm huyện lỵ nằm cách trung tâm tỉnh lỵ (thành phố Trà Vinh) 40 km theo quốc lộ 54 và 60.

- Nhìn chung, huyện Cầu Kè có vị trí khá thuận lợi trong việc giao lưu phát triển kinh tế - xã hội với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh bằng đường thủy và đường bộ. Mặt khác, khí hậu chia làm 02 mùa rõ rệt, mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau; mùa mưa là những tháng còn lại. Thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nước từ sông Mê Kông đổ về mang theo phù sa bồi đắp ruộng đồng.

b. Đặc điểm địa hình:

- Huyện Cầu Kè mang tính chất chung của vùng đồng bằng sông Cửu Long nên tương đối bằng phẳng. Ngoài những giồng cát có địa hình cao đặc trưng (>1,8m). Dọc theo Sông Hậu có địa hình khá cao (cao ven sông) và thấp dần về hướng Đông (vào nội đồng).

- Địa hình thấp nhất (0,4 - 0,6m) ở khu vực phía Đông Nam thuộc các địa bàn (Phong Thạnh, Phong Phú) và nằm rải rác ở các khu vực Đông Bắc (Thạnh Phú, Thông Hòa). Đặc biệt có khu vực địa hình trũng thấp (<0,4m) ở ấp Sóc Kha (xã Hoà Ân); Cây Gòn (xã Phong Thạnh).

- Nhìn chung, địa hình huyện Cầu Kè thích hợp cho canh tác lúa, hoa màu và cây lâu năm. Tuy nhiên ở một số khu vực trũng thấp và gò cao cục bộ thường bị ngập úng, khô hạn.

c. Điều kiện khí hậu

- Khí hậu: Huyện Cầu Kè mang đặc điểm khí hậu vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long, với 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ tương đối cao và ổn định, trung bình 26,8 °C biên độ dao động giữa các ngày và tháng không lớn. Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất 28,5 °C (tháng 4). Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất 25 °C (tháng 1), nhiệt độ cao nhất tuyệt đối 38 °C và nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối 16,2 °C.

- Nắng và bức xạ mặt trời: Số giờ nắng trong năm tại thành phố khá cao, khoảng 2.236 - 2.877 giờ/năm, trung bình 7,3 giờ/ngày. Tổng lượng bức xạ trung bình ngày đạt mức 385 - 448 cal/cm²/ngày, tập trung từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều trong ngày.

- Mưa và lượng bốc hơi: Tổng lượng mưa hàng năm khoảng 1.600 mm, cao nhất 1.875 mm và thấp nhất 1.200 mm, có 90% lượng mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 11, các tháng còn lại chiếm 10%, đặc biệt có tháng 2, 3 hầu như không có mưa. Lượng bốc hơi biến thiên từ 48 mm vào tháng 7 đến 111 mm vào tháng 3. Lượng bốc hơi cao nhất vào mùa khô từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau.

- Gió: Do nằm ở vị trí gần biển Đông nên thành phố bị chi phối bởi nhiều hệ thống gió mùa, đặc biệt là gió Tây Nam, Đông Bắc và gió Đông Nam.

+ Gió mùa Tây Nam thổi từ tháng 5 đến tháng 10, mang nhiều hơi nước và gây mưa, tốc độ 3 - 4 m/s.

+ Gió mùa Đông Bắc hoặc gió mùa Đông Nam thổi từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, tốc độ gió 2,3 m/s. Đặc biệt gió mùa Đông Nam (gió chướng), tốc độ 14 - 16 m/s là nguyên nhân đẩy nước biển dâng cao lấn sâu vào nội đồng và mang theo hàm lượng muối đáng kể gây ảnh hưởng đến năng suất cây trồng.

- Độ ẩm không khí: Huyện Cầu Kè nằm ở vùng khí hậu khô, độ ẩm trung bình 82%, độ ẩm cao nhất 90% ở các tháng mùa mưa và thấp nhất 75% vào các tháng mùa khô.

d. Mạng lưới sông rạch và điều kiện thủy văn

- Hệ thống sông rạch huyện Cầu Kè chịu ảnh hưởng khá đặc trưng của vùng Đồng bằng với mạng lưới sông rạch chính như sau:

+ Sông Hậu: Đoạn qua huyện rất rộng và sâu, hầu như toàn bộ đất đai của huyện chịu ảnh hưởng của đoạn sông này, với thuận lợi là không bị ảnh hưởng của lũ thượng nguồn, sông rộng lớn thoát nước nhanh, trữ nước nhiều.

+ Rạch Tân Định với chiều dài qua huyện khoảng 5,5 km chảy qua ranh giới huyện Trà Ôn, tại cửa sông có mặt cắt khá lớn vào bên trong hẹp và cạn.

+ Rạch Bông Bót – Bà Nghệ: Bắt nguồn từ Bền Cát chảy lên Tam Ngãi – Thông Hòa và nối thông với kênh Trà Ngoa ở Hựu Thành.

+ Rạch Cầu Kè – Tổng Tồn: Bắt nguồn từ sông Bông Bót chảy qua thị trấn Cầu Kè, nối tiếp với kênh Tổng Tồn đến kênh Trà Ngoa.

+ Rạch Rùm Sóc: Chảy theo ranh giới xã Hòa Tân – Ninh Thới qua nội đồng xã Phong Phú - Châu Điền đến gặp kênh Bung Dứa, kênh có mặt cắt khá lớn.

+ Rạch Mỹ Văn - 19/5: Chảy qua nội đồng xã Ninh Thới, Phong Phú, Phong Thạnh và đến gặp sông Cần Chông (Cầu Kè) mặt cắt tại cửa sông khá lớn.

+ Kênh Trà Ngoa chịu ảnh hưởng của kênh Bung Trường – Ngã Chánh, sông Càng Long, do ảnh hưởng của các kênh ngang bắt nguồn từ sông Hậu, sông Cổ Chiên tạo nên nhiều “giáp nước” trên kênh. Đoạn kênh qua huyện ở xã Thạnh Phú có chiều dài 7,6 km và mặt cắt khá lớn.

- Theo Báo cáo thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, hệ thống thủy lợi nội đồng được đánh giá phát triển ở mức độ khá. Huyện có 339 tuyến kênh, dài 577,921 km:

+ 25 tuyến kênh bề ngang từ 10 - 30 m, dài 148,069 km;

+ 170 tuyến kênh bề ngang từ 6 - 20 m, dài 266,423 km;

+ 144 tuyến kênh bề ngang từ 4 - 8 m, dài 163,429 km.

- Huyện có 44 cống, bọng đầu mỗi đảm bảo ngăn mặn, trữ ngọt, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và dân sinh đặc biệt là hệ thống cống Rạch Gum với 3 cửa, Mỹ Văn với 2 cửa, mỗi cửa rộng 10 m. Phần lớn các tuyến kênh được nạo vét thường xuyên đảm bảo phục vụ sản xuất, hệ thống thủy lợi phân bố hợp lý, đáp ứng tốt nhiệm vụ khai thác kinh tế đồng ruộng, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn khu vực.

- Huyện Cầu Kè chịu ảnh hưởng triều sông Hậu với 21 km chiều dài nằm dọc bờ sông Hậu và hệ thống sông rạch chính đều bắt nguồn từ sông Hậu như sông Bông Bót - Tổng Tồn - Bà Nghệ, rạch Tân Định. Ngoài ra huyện còn chịu ảnh hưởng triều của sông Cổ Chiên khá mạnh thông qua kênh Trà Ngoa ở phần đất xã Thạnh Phú.

- Huyện chịu ảnh hưởng chế độ bán nhật triều không đều ngày lên xuống 2 lần; mỗi tháng có 2 lần triều cường, sau ngày 1 và 15 âm lịch và 2 lần triều kém, sau ngày 7 và 23 âm lịch từ 2 - 3 ngày.

- Huyện chịu ảnh hưởng chủ yếu của chế độ thủy văn sông Hậu và hệ thống các sông, rạch nhỏ chằng chịt trên địa bàn.

+ Chế độ thủy văn của huyện chịu ảnh hưởng của sông Hậu thông qua sông Vàm Bến Cát và sông Cầu Kè tác động lên nội đồng.

+ Chế độ triều biên Đông đã ảnh hưởng mạnh mẽ lên toàn địa bàn huyện thông qua sông Hậu và các kênh rạch bắt nguồn từ sông Hậu ảnh hưởng lên đồng ruộng. Đây là chế độ bán nhật triều không đều, ngày lên xuống 2 lần, mỗi tháng có 2 lần triều cường sau ngày 1 và 15 âm lịch và 2 lần triều kém sau ngày 7 và 23 âm lịch từ 2 – 3 ngày. Sự truyền triều từ sông Hậu vào nội đồng thông qua mạng lưới kênh rạch với biên độ triều tắt dần.

Qua số liệu điều tra tại các địa phương, cùng các số liệu khảo sát địa hình của Dự án đầu tư cho thấy, khu vực này có cao độ lớn, chưa xảy ra hiện tượng ngập lụt.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

- Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải sau hệ thống xử lý của dự án là khu vực kênh Trà Ngoa. Kênh Trà Ngoa bắt nguồn từ sông Hậu, dài khoảng 28km qua địa phận tỉnh Vĩnh Long vào địa phận tỉnh Trà Vinh khoảng 9,31 km. Kênh Trà Ngoa là hệ thống kênh cấp II cung cấp nước cho các hệ thống kênh nội đồng, phục vụ tưới tiêu cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đây là một trong những kênh chính cấp nước cho khu vực.

- Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án có chất lượng nước mặt thấp, chủ yếu phục vụ cho hoạt động giao thông thủy và sản xuất nông nghiệp. Theo báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2022 thì chất lượng nước mặt (môi trường tác động) khu vực huyện Cầu Kè năm 2022 chưa được cải thiện và ở mức trung bình - kém. Diễn biến chất lượng nước mặt huyện Cầu Kè tương đối ổn định trong giai đoạn 2020 - 2022.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Nhằm đánh giá được hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường khu vực thực hiện dự án, nhận diện được đầy đủ các yếu tố có khả năng gây tác động xấu đến môi trường cũng như làm cơ sở đánh giá các tác động đến môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Ông Nguyễn Hoàng Luật (đơn vị chủ dự án) phối hợp cùng Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) và Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú tiến hành lấy và thử nghiệm các mẫu nước mặt và không khí.

Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số VIMCERTS 292 theo quyết định số 218/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Hiện trạng môi trường nước mặt

➤ Quan trắc môi trường nước mặt:

- Vị trí lấy mẫu: Nước mặt kênh nội đồng, khu vực tiếp nhận nước thải
- Thời gian lấy mẫu: 20/10/2023
- Tọa độ vị trí lấy mẫu (*VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰*): X (m)= 1093687, Y (m)= 0554843
- Chỉ tiêu thử nghiệm: pH, TSS, COD, BOD₅, NH₄⁺ (NH₄⁺ tính theo N), Tổng P, Coliform
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Bảng 2, Mức B).

Bảng 5. Kết quả thử nghiệm mẫu nước mặt tại khu vực dự án

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 2, Mức B
1	pH	-	6,38	6 – 8,5
2	TSS	mg/L	35	100
3	COD	mg/L	12,8	15
4	BOD ₅	mg/L	5,4	6
5	NH ₄ ⁺	mg/L	0,22	0,3
6	Tổng P	mg/L	0,2	0,3
7	Coliform	MPN/100mL	400	5.000

(Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm phụ lục báo cáo)

Nhận xét: Từ kết quả phân tích cho thấy chất lượng nước mặt nguồn tiếp nhận nước có 07/07 thông số đạt quy chuẩn giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Bảng 2, Mức B).

➤ Quan trắc môi trường không khí:

- Vị trí lấy mẫu: Khu vực thực hiện dự án

- Thời gian lấy mẫu: 27/10/2023

- Chỉ tiêu thử nghiệm: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO₂, SO₂, H₂S, NH₃, CO

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ

Bảng 6. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	56,4	-	70
2	Bụi	µg/m ³	100	300	-
3	NO ₂	µg/m ³	58	200	-
4	SO ₂	µg/m ³	55	350	-
5	H ₂ S	µg/m ³	KPH (MDL = 5)	42	-
6	NH ₃	µg/m ³	KPH (MDL = 5)	200	-
7	CO	µg/m ³	< 9.000	30.000	-

(Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm Phụ lục báo cáo)

Nhận xét: Môi trường không khí khu vực thực hiện dự án có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Chương IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

1.1.1. Nguồn và quy mô phát sinh nước thải

Dựa vào các hoạt động chính trong giai đoạn thi công xây dựng, nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng gồm có:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường;
- Nước thải từ hoạt động xây dựng của dự án
- Nước mưa chảy tràn

Thành phần, tính chất ô nhiễm và lưu lượng phát sinh nước thải cụ thể như sau:

a. Nước thải sinh hoạt của công nhân

Nguồn phát sinh nước thải trong giai đoạn xây dựng chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Ước tính số lượng công nhân ở thời điểm cao nhất tập trung tại công trường là 10 người. Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần gây ô nhiễm môi trường nước như: Các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và các loại vi sinh (Coliform, E. Coli).

Với định mức cấp nước 45 lít/người/ca (theo bảng 3.4, TCXDVN 33-2006, tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp tính cho 1 người trong 1 ca), tổng lượng nước tiêu thụ khoảng 0,45 m³/ngày.

Lượng nước thải sinh hoạt tính bằng 100% lượng nước cấp. Như vậy, lượng nước thải phát sinh tại công trường xây dựng dự án là 0,45 m³/ngày.

Nước thải thi công xây dựng phát sinh chủ yếu từ quá trình xây trát trộn vữa, nhúng gạch ướt, tưới tường, quét vôi; đổ bê tông rửa sỏi đá, cát, trộn và tưới bê tông, chống thấm; rửa thiết bị xây dựng, lượng nước này phát sinh không lớn và không thường xuyên,... Do đó chủ đầu tư dự án sẽ tận dụng để tưới nền công trình.

b. Nước mưa chảy tràn

- Xung quanh khu vực các công trình phần lớn là nền đất tự nhiên và cây xanh. Do đó, Chủ dự án không đầu tư các công trình cống/rãnh thu gom, thoát

nước mưa.

- Nước mưa một phần được thấm vào nền đất tự nhiên, một phần được chảy tràn ra các ao trong khuôn viên dự án.

- Xung quanh dự án đều là đất ruộng, cao độ nền thấp hơn, do đó đây là biện pháp tiêu thoát nước mưa hữu hiệu.

1.1.2. Đề xuất các công trình, biện pháp xử lý nước thải giai đoạn xây dựng

a. Nước thải sinh hoạt công nhân:

Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại dự án có lưu lượng nhỏ (0,45 m³/ngày).

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu công nhân xây dựng, vệ sinh trong các nhà vệ sinh hiện hữu của dự án.

b. Nước mưa chảy tràn

Trong giai đoạn xây dựng, đê bao của dự án cao hơn cơ san lấp là +0,2 m và mặt bằng khu vực dự án chủ yếu là đất cát nên nước mưa chảy tràn trong giai đoạn xây dựng không ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

Trong trường hợp mưa kéo dài liên tục trong quá trình thi công xây dựng dự án, biện pháp tạm thời là tạo rãnh thoát nước xung quanh khu vực trộn vật liệu xây dựng. Nước mưa chảy tràn được dẫn qua ao lắng tự nhiên trong khu vực dự án để giữ lại các vật chất nặng trước khi thải ra nguồn tiếp nhận nhằm tránh ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt tại khu vực dự án.

1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

1.2.1. Công trình, biện pháp lưu trữ chất thải rắn thông thường:

a. Nguồn và quy mô phát sinh:

- CTR phát sinh trong giai đoạn thi công bao gồm: CTR sinh hoạt của công nhân thi công và CTR từ hoạt động thi công xây dựng.

- Thành phần, tính chất ô nhiễm và khối lượng phát sinh như sau:

* CTR sinh hoạt của công nhân thi công:

Nguồn phát sinh: Do hoạt động của công nhân tham gia xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị, cụ thể là ăn sáng, ăn trưa.

Thành phần: Có thể phân thành hai loại:

+ Loại không có khả năng phân hủy sinh học: Vỏ đồ hộp, vỏ lon, bao bì, chai nhựa, thủy tinh,...

+ Loại có hàm lượng chất hữu cơ cao, có khả năng phân hủy sinh học: Thức ăn thừa, vỏ trái cây, rau quả, giấy,...

- Khối lượng: Theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng thì hệ số phát sinh CTR sinh hoạt là 0,8 kg/người/ngày. Hoạt động của công nhân tại công trường chỉ khoảng 8 giờ/ngày (không lưu trú) và không tổ chức nấu ăn tại công trường. Do đó, hệ số phát sinh CTR sinh hoạt tại công trường tối đa được tính là 0,4 kg/người/ngày.

- Số lượng công nhân tập trung tại công trường trong giai đoạn xây dựng cao điểm khoảng 05 công nhân.

- Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tối đa tại công trường được tính toán: $05 \text{ người} * 0,4 \text{ kg/người/ngày} = 2 \text{ kg/ngày}$.

* CTR từ hoạt động xây dựng:

Nguồn phát sinh: Do hoạt động xây dựng các hạng mục công trình.

- Thành phần: Bao gồm vật liệu xây dựng phế thải như gạch vỡ, xà bần, tấm lợp vỡ, xà gỗ, ván khuôn, bao xi măng, sắt thép vụn, nhựa (ống nhựa, dây điện),...

- Khối lượng các chất thải rắn này phụ thuộc vào quá trình thi công nhưng số lượng không cao.

- Theo số liệu thống kê, ước tính lượng chất thải trung bình sinh ra trong quá trình xây dựng của một công nhân là 40 - 50 kg/người/ngày (*nguồn: Tài liệu tập huấn kỹ năng thẩm định báo cáo Đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường, PGS.TS. Nguyễn Quỳnh Hương, GS.TS. Đặng Kim Chi, tháng 10/2008*), như vậy lượng chất thải rắn sinh ra tối đa trong thời gian xây dựng dự án là:

$40 \text{ kg/người/ngày} * 05 \text{ người} = 0,2 \text{ tấn/ngày}$.

Lượng CTR xây dựng sinh ra tương đối lớn, tuy nhiên chúng không bị phân hủy trong môi trường tự nhiên, không phát sinh mùi và có thể tái chế, tái sử dụng. Điều này sẽ hạn chế tới mức thấp nhất ảnh hưởng của loại chất thải này đến môi trường khu vực dự án.

b. Đề xuất công trình, biện pháp lưu giữ CTR thông thường

- CTR sinh hoạt của công nhân:

+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân xây dựng trong công tác

bảo vệ môi trường, tuyệt đối không vứt rác bừa bãi trong khu vực Dự án hay khu vực xung quanh.

+ Bố trí thùng chứa rác tạm thời tại các khu vực sinh hoạt của công nhân xây dựng nhằm thu gom triệt để lượng chất thải phát sinh. Dự kiến bố trí 02 thùng chứa CTR loại nhựa HDPE có dung tích 60 lít, có nắp đậy kín.

+ Thu gom vào thùng rác công cộng sau cuối mỗi ca làm việc tần suất 01 lần/ngày.

- CTR xây dựng thông thường:

+ Đối với bao bì chứa vật liệu xây dựng: Thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Đối với các loại vật liệu hư hỏng trong quá trình xây dựng như gạch vụn, đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển được thu gom và tái sử dụng cho mục đích san lấp mặt bằng tại dự án.

+ Đối với các loại vật liệu bằng kim loại như sắt, thép vụn được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Bên cạnh đó, bố trí khu vực riêng tập kết CTR xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, xử lý và không gây cản trở quá trình thi công tại công trường.

1.2.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

a. Nguồn và quy mô phát sinh:

- Phát sinh từ quá trình bảo trì, sửa chữa phương tiện, máy móc thi công xây dựng như dầu nhớt thải, ắc quy thải, ...;

- Phát sinh từ quá trình sử dụng máy hàn với thành phần chủ yếu là que hàn đã qua sử dụng và xỉ hàn.

b. Đề xuất công trình, biện pháp lưu giữ CTNH:

Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau để kiểm soát tác động của CTNH trong giai đoạn xây dựng:

- Không cho phép bảo dưỡng phương tiện vận chuyển tại khu vực dự án.

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa máy móc tại công trường xây dựng. Các máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình thi công phải được kiểm định chất lượng định kỳ theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Phân loại chất thải nguy hại.

- Bố trí 01 thùng chứa dầu mỡ thải loại 100 lít để lưu trữ tạm thời dầu mỡ

thải có thể phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị. Không chôn lấp, đốt dầu mỡ thải tại khu vực dự án.

- Trang bị các thùng chứa CTNH để lưu trữ tạm thời bóng đèn huỳnh quang bị hư hỏng, thùng sơn, giẻ lau dính dầu mỡ thải phát sinh trong quá trình xây dựng.

- Lưu trữ các thùng chứa vào vị trí cố định trong dự án có mái che tạm tránh ảnh hưởng của thời tiết.

- Ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom và xử lý CTNH theo quy định.

Chủ dự án cam kết sẽ thu gom và xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn xây dựng dự án theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ban hành ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý CTNH

1.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.3.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Trong quá trình thi công xây dựng các công trình của Dự án, các nguồn phát sinh bụi, khí thải tập trung chủ yếu từ 04 nhóm chính sau:

- *Nhóm 1: Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng*

- *Nhóm 2: Bụi phát sinh tại công trường xây dựng*

- *Nhóm 3: Khí thải từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công:* Lượng khí thải phát sinh do máy móc, thiết bị thi công trên công trường phụ thuộc vào số lượng, chất lượng của các máy móc, thiết bị và phương thức thi công. Trong giai đoạn xây dựng, các thiết bị như: Máy đào, máy lu, ủi, xe tải, máy hàn, máy phát điện,... đều được sử dụng. Hoạt động của các loại máy móc này cũng sẽ thải vào không khí một lượng bụi và khí thải. Nhưng do nguồn phát sinh không thường xuyên và sẽ kết thúc khi dự án đi vào hoạt động. Do đó, mức độ tác động của nguồn thải này mang tính chất ngắn hạn, phạm vi tác động mang tính cục bộ.

- *Nhóm 4: Khí thải phát sinh trong quá trình hàn tiện kim loại:* Trong quá trình hàn các kết cấu thép của nhà ở công nhân, nhà kho, các phân tử khói hàn được hình thành chính từ sự nóng chảy kim loại. Trong que hàn bị cháy và khói phát sinh có chứa các chất có khả năng gây ô nhiễm môi trường không khí và ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động. Khí thải phát sinh trong điều kiện thông thoáng, đồng thời là nguồn phát sinh không thường xuyên. Mức độ tác động của nguồn thải này chỉ mang tính chất cục bộ, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân, thời gian tác động không kéo dài và sẽ kết thúc khi dự

án đi vào hoạt động.

1.3.2. Đề xuất công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Đối với phương tiện giao thông:

- Phương tiện vận chuyển được bố trí thời gian ra vào dự án hợp lý, tránh tập kết vật liệu vào cùng thời điểm.

- Trước cổng ra vào công trường phải treo bảng chỉ dẫn, treo biển báo ngay khu vực dự án.

- Trong những ngày nắng, để hạn chế mức độ ô nhiễm khói bụi tại công trường, công nhân thường xuyên phun nước khi vận chuyển tập kết nguyên liệu, phun nước tại các trục đường nội bộ chính, các sân bãi tập kết vật liệu xây dựng nhằm hạn chế bụi, đất cát theo gió phát tán vào môi trường không khí xung quanh.

- Trong công trường sẽ bố trí khu vực vệ sinh phương tiện, bánh xe trước khi rời khỏi công trường nhằm tránh bụi đất bám vào phương tiện, hạn chế đất cát rơi vãi khi tham gia giao thông. Đảm bảo khu vực xe ra vào dự án phải sạch nhằm hạn chế bụi phát tán như tưới rửa đường định kỳ, bố trí công nhân dọn dẹp, vệ sinh khu vực ra vào dự án định kỳ.

- Các xe chở vật liệu xây dựng phải có tấm bạt che phủ khi vận chuyển (tránh cho nguyên vật liệu rơi vãi trên tuyến vận chuyển).

b. Đối với máy móc, thiết bị sử dụng trong dự án:

- Sử dụng trang thiết bị, máy móc đã qua đăng kiểm định kỳ.

- Sử dụng nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường để vận hành các máy mócthiết bị trong công trường (dầu DO).

- Không đốt các nguyên, vật liệu tại khu vực dự án.

- Tất cả các công nhân phải được trang bị bảo hộ lao động như: Khẩu trang, găng tay, mũ bảo hộ, áo bảo hộ lao động,... khi làm việc trong khu vực dự án

1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.4.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Nguồn và quy mô phát sinh: Tiếng ồn trong giai đoạn xây dựng chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thi công hạng nặng như máy ủi, máy xúc, máy cạp đất, xe lu,... Mức ồn của máy móc, thiết bị chính thể hiện trong bảng sau:

Bảng 7. Mức ồn tối đa của các máy móc, thiết bị

TT	Các phương tiện	Mức ồn cách nguồn 1,5 m (dBA)	
		Khoảng	Trung bình
1	Máy ủi	79 - 93	86,0
2	Xe lu	72 - 75	73,0
3	Máy kéo	77 - 96	86,5
4	Máy cạp đất, máy xúc	81 - 97	89,0
5	Xe tải	82 - 94	88,0
6	Cần trục di động	76 - 87	81,5
7	Máy đóng cọc	81 - 115	98,0
8	Máy xúc gàu trước	72 - 84	78,0
9	Máy lát đường	87 - 88,5	87,7
10	Máy phát điện	71 - 82,5	77,2
11	Búa khoan/máy khoan đá	75 - 99	87,0
12	Máy trộn bê tông	75 - 88	81,5
13	Máy nén khí	73 - 88	81,0
QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường (6 - 21h)		70 dBA	
QCVN 24:2016/BYT, tại vị trí làm việc, lao động trực tiếp		85 dBA	

(Nguồn: Môi trường không khí, GS.TS. Phạm Ngọc Đăng, 2003)

Mức ồn cũng như mức độ ảnh hưởng sẽ giảm dần theo sự tăng dần của khoảng cách từ nguồn ồn và có thể dự báo nhờ công thức:

$$L_i = L_p - \Delta L_d - \Delta L_c \text{ (dB}_A\text{)}$$

Trong đó:

- L_i - mức ồn tại điểm tính toán cách nguồn gây ồn với khoảng cách d (m)
- L_p - mức ồn đo được tại nguồn điểm gây ồn (cách 1,5 m)
- ΔL_d - mức ồn giảm theo khoảng cách d ở tần số i
- $\Delta L_d = 20 \lg[(r_2/r_1)^{1+a}]$
- r_1 - khoảng cách tới nguồn gây ồn ứng với L_p (m)
- r_2 - khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn theo khoảng cách ứng với L_i (m)
- ΔL_c - độ giảm mức ồn qua vật cản (khu vực dự án có địa hình rộng thoáng và hầu như không có vật cản nên ΔL_c được xem như bằng 0)

Từ các công thức trên, có thể tính toán được mức ồn trong môi trường không khí xung quanh theo khoảng cách tính từ nguồn gây ồn. Kết quả tính toán như sau:

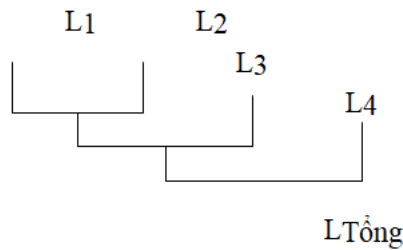
Bảng 8. Mức ồn của các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới

Loại thiết bị	Mức ồn (dBA)	Tiếng ồn giảm theo khoảng cách r2 (m)								
		5	10	15	20	25	30	40	50	60
Máy ủi	93	85	79	75,5	73	71,1	69,5	68,1	67	66
Xe lu	75	67	61	57,5	55	53,1	51,5	50,1	49	48
Máy kéo	96	88	82	78,5	76	74,1	72,5	71,1	70	69
Máy cạp đất, máy xúc	97	89	83	79,5	77	75,1	73,5	72,1	71	70
Xe tải	96	88	82	78,5	76	74,1	72,5	71,1	70	69
Cần trục di động	87	79	73	69,5	67	65,1	63,5	62,1	61	60
Máy xúc gàu trước	84	76	70	66,5	64	62,1	60,5	59,1	58	57
Máy lát đường	88,5	80,5	74,5	71	68,5	66,6	65	63,6	62,5	61,5
Máy phát điện	82,5	74,5	68,5	65	62,5	60,6	59	57,6	56,5	55,5
máy khoan đá	99	91	85	81,5	79	77,1	75,5	74,1	73	72
Máy trộn bê tông	88	80	74	70,5	68	66,1	64,5	63,1	62	61
Máy nén khí	88	80	74	70,5	68	66,1	64,5	63,1	62	61
QCVN 26/2010/BTNMT: Tiếng ồn khu vực thông thường: 70 dBA (6 - 21h) và 55 dBA (21 - 6h)										
QCVN 24:2016/BYT, tại vị trí làm việc, lao động trực tiếp: 85 dBA										

- Trong trường hợp có nhiều tiếng ồn cùng lúc thì tổng mức ồn phát sinh từ các máy móc thiết bị trong giai đoạn thi công được tính toán như sau:

Khi 2 nguồn phát sinh tiếng ồn có cường độ âm bằng nhau: $L_1 = L_2 + 3$ dB
Với: L_1 - Cường độ âm của nguồn 1; L_2 - Cường độ âm của nguồn 2

Khi có nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn có cường độ âm khác nhau thì được tính toán theo sơ đồ sau:



Hình 3. Sơ đồ tính toán khi có nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn có cường độ âm khác nhau

Với $L_1, L_2, L_3, L_4, \dots$ là cường độ âm tại nguồn 1, 2, 3, 4, ... và $L_1 > L_2 > L_3 > L_4 > \dots$

Ta có:

$$L_1 - L_2 = -10a \text{ (dB)}$$

$$L_{\text{gia tăng}} = 10 \lg(1+a) \text{ (dB) đối với nguồn điểm}$$

$$L_{\text{tổng}} = L_1 + L_{\text{gia tăng}}$$

Với:

- $L_{\text{gia tăng}}$ - Mức âm gia tăng (dB)
- $L_{\text{tổng}}$ - Mức âm tổng của các nguồn ồn (dB)
- A - Hệ số chênh lệch giữa các cường độ âm
- $L_{\text{gia tăng}}$ phụ thuộc vào hiệu số giữa các cường độ âm

Bảng 9. Bảng xác định mức âm gia tăng

STT	a	$L_1 - L_2 = -10a \text{ (dB)}$	$L_{\text{gia tăng}} = 10 \lg(1+a)$
1	1	0	3
2	0,8	1	2,6
3	0,7	1,6	2
4	0,6	2,2	2
5	0,5	3	1,8
6	0,4	4	1,5
7	0,3	5,2	1,1
8	0,2	7	0,8
9	0,1	10	0,4

(Nguồn: Âm học kiến trúc cơ sở lý thuyết và các phương pháp ứng dụng, Phạm Đức Nguyên, 2000; Ô nhiễm tiếng ồn và kỹ thuật xử lý, Nguyễn Võ Châu Ngân, 2004)

Bảng 13 cho thấy tiếng ồn phát ra từ các nguồn ồn (điểm cách nguồn 1,5 m) đa số vượt tiêu chuẩn vệ sinh lao động ban hành theo QCVN 24:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Tiếng ồn phát ra từ các nguồn ồn chỉ đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động khi cách nguồn ồn 10 m; đạt QCVN 26:2010/BTNMT khi cách nguồn ồn 60 m.

Nguồn tác động này làm giảm chức năng của thính giác, gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con người, gây ra cảm giác sợ hãi, âu lo, mệt mỏi, mất ngủ, giập mình, giảm năng suất lao động của công nhân và gia tăng tỉ lệ tai nạn lao động.

Xung quanh khu vực dự án, trong vòng bán kính 60 m, tiếng ồn từ quá trình thi công không ảnh hưởng nhiều đến dân cư xung quanh.

- *Đề xuất công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:* Để giảm thiểu các tác động tiêu cực của tiếng ồn đến môi trường và sức khỏe người lao động, chủ dự án triển khai thực hiện các các biện pháp cụ thể:

a. Về phương tiện, máy móc và thiết bị thi công:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ dự án phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường.

- Thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định, luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Ưu tiên sử dụng các máy móc và thiết bị thi công có thiết bị chống ồn và chống rung.

- Các máy móc và thiết bị thi công phải được bảo trì thường xuyên để đảm bảo tình trạng hoạt động tốt.

b. Về thiết kế và bố trí thi công:

- Bố trí thời gian thi công hợp lý, tránh tình trạng các phương tiện, máy móc và thiết bị thi công gần nhau hoặc hoạt động trong cùng một lúc sẽ gây nên tác động cộng hưởng.

- Hạn chế thi công các hạng mục gây ồn (như cắt vật liệu, gò,...) vào ban đêm để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân lân cận.

- Bố trí các vị trí thích hợp cho các thiết bị, máy móc thi công nhằm hạn chế tối đa tác động đến khu vực xung quanh.

- Các máy móc và thiết bị thi công không sử dụng liên tục thì phải tắt ngay sau khi không sử dụng hoặc giảm cường độ hoạt động tới mức tối thiểu có

thể.

- Những khu vực có mức ồn cao như: Khu đặt máy khoan, khí nén, máy cưa, máy cắt,... cần đặt xa nhà dân, xa nơi sinh hoạt của công nhân hoặc sử dụng các tấm bạt che kín hạn chế tiếng ồn lan truyền ra xung quanh.

- Lập hàng rào cách ly trong suốt quá trình thi công Dự án để giảm tiếng ồn thi công phát tán làm ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.

- Quy định tốc độ của xe ra vào công trường từ 5 - 10 km/h khi lưu thông trong công trường để giảm thiểu tiếng ồn từ nguồn này.

- Chọn phương pháp thi công hợp lý cho từng công việc và từng khu vực cụ thể.

- Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân khi cần thiết (tùy theo nội dung công việc cụ thể).

1.4.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung của các thiết bị máy móc và phương tiện thi công

- Nguồn và quy mô phát sinh: Rung động là do hoạt động của các phương tiện, máy móc thi công chuyên dụng chủ yếu là đầm nén, khoan và hoạt động của các phương tiện vận chuyển có tải trọng lớn. Mức độ rung động phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó đặc biệt quan trọng là cấu tạo địa chất của nền móng công trình, có thể ước tính xác định như sau:

Bảng 10. Mức độ rung động của một số máy móc, thiết bị thi công

STT	Thiết bị	Mức độ rung động (Theo hướng thẳng đứng Z, dB)	
		Cách nguồn 10m	Cách nguồn 30m
1	Máy đào đất	80	71
2	Máy ủi đất	79	69
3	Xe vận chuyển hạng nặng	74	64
4	Xe lu	82	71
5	Máy khoan	63	55
6	Máy nén khí	81	71

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của dự án đầu tư “Trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Hoàng Luật”

7	Máy đào bằng hơi	85	73
8	Máy đóng cọc bằng khoan dẫn	98	83
9	Máy đóng cọc bằng rung chấn	93	83

(Nguồn: Tổng Cục môi trường tổng hợp số liệu của US.EPA, năm 2010)

- **Đề xuất các biện pháp, công trình giảm thiểu độ rung:** Để giảm thiểu các tác động tiêu cực của độ rung đến các đối tượng lân cận Dự án và sức khỏe người lao động, chủ dự án triển khai thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

+ Bố trí, trang bị các loại dụng cụ chống rung tại nguồn và chống rung lan truyền như: Kê cân bằng các thiết bị thi công, lắp đặt bộ tắt chấn động, gối đàn hồi, đệm đàn hồi,...

+ Bố trí các hoạt động của các phương tiện thi công một cách phù hợp: các thiết bị thi công gây độ rung lớn không hoạt động trong khoảng thời gian từ 18h đến 6h sáng hôm sau, giờ ăn và nghỉ trưa.

+ Lựa chọn giải pháp thi công móng cọc là công nghệ ép cọc bê tông cốt thép bằng phương pháp ép cọc tĩnh.

+ Ưu tiên sử dụng các thiết bị thi công và công nghệ thi công tiên tiến, hiện đại nhằm đảm bảo được chất lượng công trình, tiến độ thi công, chi phí đầu tư cũng như giảm thiểu được tối đa phát sinh các tác động đến môi trường tại dự án và khu vực lân cận

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

1.5.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

a. Các nguyên nhân có thể gây cháy nổ:

- Hệ thống cấp điện cho dự án có thể gây ra sự cố chập, cháy nổ do tiết diện dây dẫn điện không phù hợp với cường độ dòng điện, các thiết bị bảo vệ điện bị quá tải.

- Cháy, nổ xảy ra do sét đánh.

- Cháy nổ từ quá trình dự trữ, sử dụng nhiên liệu cung cấp cho các phương tiện chuyên chở, máy phát điện dự phòng,...

- Do ý thức kém hoặc không tuân thủ nội quy của dự án như hút thuốc và vứt tàn thuốc bừa bãi đặc biệt là tại các khu vực dễ cháy nổ như: Nhà kho, nhà bếp, khu lưu chứa nhiên liệu, chất thải.

- Cháy do bất cẩn trong nấu nướng: Do người sử dụng bếp bất cẩn để

cháy thức ăn hoặc bén lửa từ bếp sang các vật liệu dễ cháy khác.

- Nổ bình gas do bình chứa không đạt tiêu chuẩn.
- Bất kỳ nguồn phát sinh nhiệt nào như ma sát, sự cố về điện đều có thể gây cháy, nổ. Xác suất xảy ra sự cố cháy nổ thấp. Tuy nhiên, một khi xảy ra, sự cố cháy nổ sẽ gây thiệt hại to lớn về kinh tế và làm ô nhiễm cả 3 hệ sinh thái đất, nước, không khí một cách nghiêm trọng. Thêm vào đó, nó còn ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của dự án cũng như khu vực lân cận, đe dọa đến tính mạng con người và tài sản. Do vậy, Chủ đầu tư sẽ chú ý đến các công tác phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn trong hoạt động của dự án, tính mạng của người lao động, và hạn chế những mất mát, tổn thất có thể xảy ra

b. Đề xuất công trình, biện pháp:

- Không lưu trữ nguyên vật liệu dễ gây ra cháy nổ tại công trường.
- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải bố trí thật an toàn. Yêu cầu công nhân thường xuyên kiểm tra hệ thống điện và cúp cầu dao khi không sử dụng điện.
- Bố trí bình chữa cháy cầm tay đạt chuẩn tại khu vực lán trại công trình.
- Trong trường hợp phát sinh sự cố vượt khả năng của đơn vị thi công, cần liên hệ với cơ quan có chức năng để được hỗ trợ kịp thời.
- Định kỳ thu gom vật liệu dễ cháy, nổ để hạn chế sự cố xảy ra.
- Nâng cao ý thức phòng cháy, chống cháy tốt cho toàn thể cán bộ, công nhân thông qua các lớp huấn luyện PCCC.
- Không cho phép công nhân hút thuốc, nấu ăn tại khu vực dự án

1.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố về an toàn lao động

- Nguyên nhân: Sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra trong bất kỳ công đoạn thi công xây dựng dự án. Nguyên nhân của các trường hợp xảy ra sự cố tai nạn lao động trên công trường xây dựng được xác định chủ yếu bao gồm:
 - + Công việc lắp ráp, thi công và quá trình vận chuyển nguyên vật liệu với mật độ xe, tiếng ồn, độ rung cao có thể gây ra tai nạn.
 - + Không thực hiện tốt các quy định về ATLĐ khi làm việc với các loại thiết bị bốc dỡ, các loại vật liệu xây dựng chất dẻo cao có thể rơi vỡ,...
 - + Việc thi công các công trình trên cao sẽ làm tăng cao khả năng gây ra tai nạn lao động do trượt té trên các giàn giáo, trên các nhà đang xây, từ công tác vận chuyển vật liệu xây dựng (xi măng, cát, sắt thép,...) lên cao và nhiều nguyên

nhân khác.

+ Khi thi công vào những ngày mưa, đất trơn dễ gây trượt té cho công nhân, sục đổ các đồng vật liệu.

+ Các tai nạn lao động từ các công tác tiếp cận với điện như công tác thi công hệ thống điện, va chạm vào các đường dây điện dẫn ngang qua đường, bão gió gây đứt dây điện,...

- Đề xuất các công trình, biện pháp: Các biện pháp được thực hiện nhằm giảm thiểu phát sinh các vấn đề về an toàn lao động cụ thể như sau:

+ Bố trí biển báo hiệu và lập rào chắn cách ly các khu vực nguy hiểm.

+ Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và tạo khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị bảo hộ lao động cần thiết, đặc biệt đối với công nhân thao tác trên cao theo đúng quy định.

+ Công nhân phải được huấn luyện về an toàn lao động và được kiểm tra thường xuyên về thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong suốt quá trình thi công

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

Nước thải phát sinh trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động gồm có:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân.
- Nước mưa chảy tràn
- Nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại (không thường xuyên, chu kì xả thải 3 tháng/lần).

2.1.1. Công trình, biện pháp thu gom và thoát nước mưa chảy tràn

a. Nguồn và quy mô phát sinh

- Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên của Dự án có lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm phụ thuộc vào các yếu tố như: Độ sạch của khí quyển tại khu vực thực hiện Dự án, đặc điểm mặt bằng rửa trôi, hiện trạng quản lý các khu vực tập kết CTR.

- Theo quy hoạch mặt bằng tổng thể khu vực thực hiện Dự án, tất cả các khu vực sân bãi, đường nội bộ đều được bê tông hóa. Do đó, nguy cơ nước mưa

chảy tràn bị ô nhiễm là rất thấp.

- Lưu lượng phát sinh: Theo Handbook for Environment Engineering, 2005 thì lượng nước mưa lớn nhất theo ngày chảy tràn qua khu vực dự án được ước tính theo công thức: $Q = C \cdot I \cdot A / 1.000$

- Q : Lưu lượng nước mưa chảy tràn cực đại (m^3 /tháng);
- C : Hệ số chảy tràn ($C = 0,6515$);
- A : Diện tích thoát nước khu vực dự án ($A = 5.900m^2$);
- I : Lượng mưa cao nhất của tháng trong năm (mm /tháng).

Lượng mưa trung bình tháng cao nhất được ghi nhận trong giai đoạn 05 năm gần đây vào năm 2020 với 135,5 mm/tháng.

Như vậy, lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất tại khu vực hoạt động của dự án là: $Q_{\text{nước mưa}} = 520,8m^3$ /tháng.

Tính chất nước mưa chảy tràn: Theo số liệu thống kê của WHO (1993) thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn thông thường chứa khoảng 0,5 - 1,5 mgN/l; 0,004 - 0,03 mgP/l; 10 - 20mgCOD/l và 10 - 20mg TSS/l.

b. Đề xuất biện pháp, công trình thu gom và thoát nước mưa chảy tràn

Để giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau đây:

- Quản lý tốt CTR sinh hoạt, chất thải nguy hại, tránh các loại chất thải này rơi vãi hoặc bị cuốn vào hệ thống thoát nước mưa.
- Nước mưa chảy tràn được quy ước là nước sạch nên lượng nước ở đây không cần xử lý mà thải ra nguồn tiếp nhận kênh nội đồng.

2.1.2. Công trình, biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

a. Nguồn và quy mô phát sinh

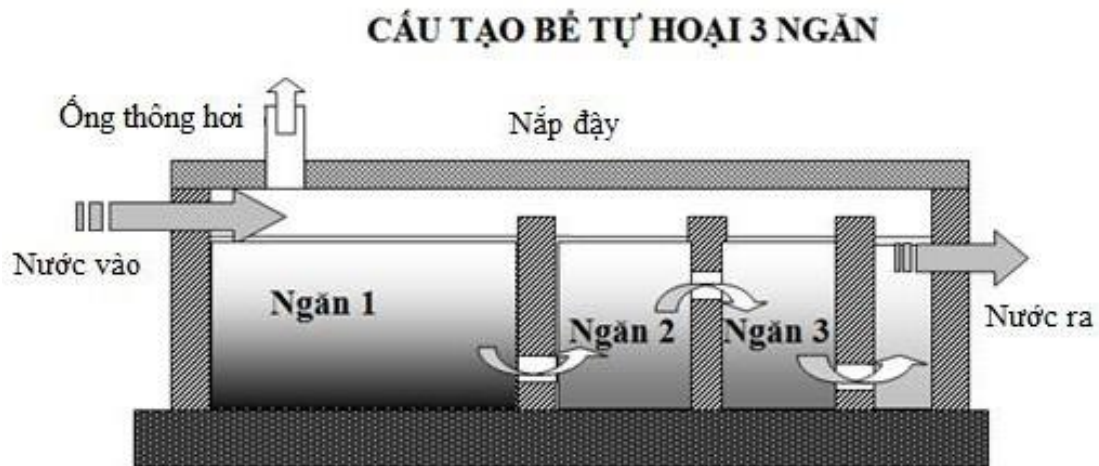
- Nguồn thải này chính là lượng nước cấp phục vụ cho nhu cầu vệ sinh và các nhu cầu sinh hoạt khác.
- Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt: $0,2 m^3$ /ngày.đêm
- Lượng nước thải sinh hoạt tính bằng 100% lượng nước cấp. Như vậy, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án: $0,2 m^3$ /ngày.

b. Đề xuất công trình, biện pháp

- Công trình thu gom nước thải:

Nước thải sinh hoạt của công nhân viên được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn.

Cấu tạo của bể tự hoại được trình bày trong hình sau:



Hình 4. Cấu tạo bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt

- Quy trình hoạt động của bể tự hoại:

Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật, nước thải từ các thiết bị vệ sinh thoát xuống bể tự hoại và lần lượt đi qua các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể, nước thải thoát ra ngoài theo ống dẫn. Trong bể tự hoại có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Bể tự hoại đồng thời thực hiện hai chức năng: Lắng và phân hủy (lên men) cặn lắng. Quá trình xử lý chủ yếu trong bể tự hoại là quá trình phân hủy kỵ khí. Các chất rắn lơ lửng sau khi lắng xuống đáy được hệ vi sinh vật kỵ khí ở đây lên men, phân hủy tạo thành NH_4 , H_2S ,... Hiệu suất xử lý của bể làm giảm khoảng 60 - 65% hàm lượng BOD, 70 - 80% SS so với đầu vào.

Thời gian lưu nước thải trong bể tự hoại vào khoảng 10 - 15 ngày. Cặn rắn được giữ lại trong bể từ 6 - 12 tháng. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của chúng. Cũng nhờ các ngăn này, công trình trở thành một dãy bể phản ứng kỵ khí được bố trí nối tiếp, cho phép tách riêng hai pha (lên men axit và lên men kiềm). Quần thể vi sinh vật trong từng ngăn sẽ khác nhau và có điều kiện phát triển thuận lợi. Ở những ngăn đầu, các vi khuẩn tạo axit sẽ chiếm ưu thế, trong khi ở những ngăn sau, các vi khuẩn tạo

metan sẽ là chủ yếu.

Chủ dự án tiến hành xây dựng bể tự hoại với thể tích 2 m³ để tiền xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân viên.

2.1.3. Công trình, biện pháp xử lý nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại

a. Nguồn và quy mô phát sinh

Dự án hoạt động với hình thức chăn nuôi bằng đệm lót khô an toàn sinh học nên không phát sinh nước thải trong quá trình hoạt động sản xuất.

Trong quá trình chăn nuôi, Chủ dự án sẽ không tiến hành rửa chuồng do đặc tính của đệm lót chế phẩm balasa sử dụng không phù hợp khi sử dụng nước.

Tuy nhiên, để đảm bảo vệ sinh chuồng trại và phòng chống dịch bệnh, sau khi kết thúc mỗi đợt nuôi, Chủ dự án sẽ tiến hành vệ sinh chuồng trại (sau 3 tháng).

Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh chuồng trại tính bằng 100% lượng nước sử dụng cho mỗi lần vệ sinh chuồng trại.

Hoạt động vệ sinh chuồng được thực hiện tại các thời điểm khác nhau (không diễn ra cùng lúc) trong khoảng thời gian 15 ngày sau mỗi đợt chăn nuôi. Trong quá trình này, chỉ có một thời điểm phát sinh nước thải là lúc dùng máy áp lực xịt nước .

Lượng nước cần dùng cho hoạt động rửa chuồng: 3,9 m³/ngày

Nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại chứa chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, nitơ, photpho và các thành phần khác, đặc biệt là vi sinh gây bệnh. Trong thành phần chất rắn lơ lửng của nước thải, hợp chất hữu cơ chiếm 70 – 80% gồm các hợp chất hydratcarbon, protit, amin, chất béo và các dẫn xuất của chúng có trong phân và thức ăn dư thừa. Hầu hết là các chất hữu cơ dễ bị phân hủy. Các chất vô cơ chiếm 20 – 30% các hợp chất trong phân và nước thải dễ phân hủy, gồm cát đất, muối, ure, amonium, muối clorua, sunfua,...

b. Đề xuất công trình, biện pháp

Bình quân 3 tháng dự án xuất chuồng nên chỉ rửa chuồng trong giai đoạn này lượng nước thải khoảng 3,9 m³/ngày, do đó nước thải sẽ được cho vào các ao sinh học để lắng và lọc trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là kênh nội đồng.

2.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: CTR sinh hoạt, CTNH)

2.2.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn và quy mô phát sinh:

+ CTR phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại Dự án.

Thành phần chủ yếu là Rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp,... Chất thải sinh hoạt có chứa 60 - 70% chất hữu cơ và 30 - 40% các chất khác.

+ Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại Dự án được tính toán theo công thức sau: $CT_{sh} = n \times CT_{đm}$, trong đó:

○ CT_{sh} : Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong ngày (kg/ngày).

○ n: Số lượng nhân viên (02 người).

○ $CT_{đm}$: Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng thì định mức phát sinh CTR của người dân tại khu vực dự án là 0,8kg/người-ngày.

Như vậy, tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này ước tính khoảng: (02 người x 0,8 kg/người/ngày) = 1,6 kg/ngày.

- Đề xuất công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTR sinh hoạt: Biện pháp giảm thiểu tác động do CTR sinh hoạt phát sinh tại dự án bao gồm:

+ Chất thải rắn sẽ được phân ra làm 2 loại: Chất thải rắn không có khả năng tái chế, chất thải rắn có khả năng tái chế.

+ Chất thải rắn hữu cơ và không có khả năng tái chế: Rau quả, vỏ trái cây, đồ ăn dư thừa, bao nilon bẩn, giấy bẩn,....

+ Chất thải rắn không nguy hại có khả năng tái chế: Carton, giấy sạch các loại, bao nilon sạch, chai pet, chai thủy tinh, kim loại,....

+ Trang bị 2 thùng chứa rác chuyên dụng dung tích 60 lít bố trí tại các khu vực sinh hoạt của công nhân viên.

+ Rác thải sinh hoạt được tập trung tại khu vực riêng tách biệt với các công trình đơn vị khác.

+ Chất thải rắn không nguy hại có khả năng tái chế được thu gom bán phế liệu.

+ Các loại rác không có khả năng tái chế, tái sử dụng được Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày.

+ Chủ dự án thường xuyên nhắc nhở công nhân viên đảm bảo công tác quản lý tốt rác thải cả bên trong và ngoài khu vực dự án.

2.2.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi:

a. Nguồn và quy mô:

Thành phần và khối lượng chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11. Khối lượng chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi tại dự án

STT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Bao chứa thức ăn	Kg/đợt nuôi	100
2	Hỗn hợp chất độn chuồng + phân	Tấn/đợt nuôi	44,6

- Tính toán khối lượng hỗn hợp chất độn chuồng + phân:

Theo định mức, khối lượng chất độn chuồng (trấu) rải trên bề mặt chuồng dày 10 cm.

Tổng diện tích xây dựng chuồng: 2.600 m² (2 chuồng nuôi). Khối lượng riêng của trấu: 130 kg/m³.

Khối lượng trấu sử dụng cho 2 chuồng trong 1 đợt nuôi (3 tháng) : 2.600 m² * 0,1 m * 130 kg/m³ = 33,8 tấn/đợt nuôi

Khối lượng phân gà thải ra chiếm khoảng 35% lượng thức ăn, tương đương: 1,14 tấn/ngày * 90 ngày * 35% = 35,9 tấn phân tươi/đợt nuôi

Lượng phân gà thất thoát do bay hơi: Phân khô chiếm 30% tỷ trọng phân tươi.

Khối lượng phân khô: 35,9 tấn phân tươi/đợt nuôi * 30% = 10,8 tấn phân khô/đợt nuôi.

Tổng khối lượng hỗn hợp chất độn chuồng và phân gà phát sinh trong 1 đợt nuôi: 44,6 tấn/đợt nuôi.

Phân gà là một loại phân hữu cơ có thành phần dinh dưỡng cao so với các phân chuồng khác như trong phân heo, phân trâu bò và các phân hữu cơ khác. Thành phần dinh dưỡng chủ yếu trong phân gà như: N: 1,6 – 1,7%; P₂O₅: 0,5 – 0,6%, K₂O: 0,8%, CaO: 2,4%. Do đó, phân gà được sử dụng rộng rãi cho hoạt động trồng trọt. Tuy nhiên, khi sử dụng phân với nồng độ cao sẽ ảnh hưởng đến cây, môi trường đất, nước ngầm và nước mặt.

Trong chất thải chăn nuôi có nhiều vi trùng, ấu trùng, trứng giun sán. Khi sử dụng phân tươi để bón cây trồng gây nguy cơ nhiễm bệnh cho con người và

động vật.

b. Đề xuất công trình, biện pháp

- *Hỗn hợp chất độn chuồng (trấu) và phân gà:*

Chất độn chuồng được sử dụng từ khi bắt đầu đến khi kết thúc một đợt nuôi(3 tháng), được bổ sung định kỳ cho đến khi thu hoạch gà.

Sau mỗi đợt chăn nuôi và xuất bán gà, hỗn hợp trấu và phân gà tại mỗi chuồng nuôi được thu gom, đóng bao kín đảm bảo không gây ảnh hưởng tới môi trường. Công nhân sẽ trang bị các trang phục bảo hộ và sử dụng các dụng cụ chuyên dụng cho việc thu dọn phân chuồng.

Thời gian thu gom và lưu trữ tối đa hỗn hợp này tại trại là 10 ngày, tuyệt đối không lưu trữ trong thời gian quá lâu.

Khu vực lưu trữ tạm thời có mái che, được kê cao hơn so với mặt sàn và phủ kín bằng bạt nhựa, hạn chế hơi ẩm thấm vào hỗn hợp gây mùi.

Các bao chất thải này được thương lái và các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón đến thu mua trực tiếp sau khi công nhân thu gom và đóng bao.

Trong trường hợp hỗn hợp chất độn chuồng và phân gà không được thu mua và sử dụng, Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- *Bao chứa thức ăn:*

Bao chứa thức ăn: Được công nhân thu gom và tái sử dụng để chứa hỗn hợp chất độn chuồng và phân gà, vật tư tại dự án.

Chủ dự án cam kết chất thải rắn trong chăn nuôi (đệm lót, bao chứa thức ăn) được xử lý theo đúng quy định Điều 32 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

2.2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a. Công trình lưu trữ chất thải nguy hại

- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Với diện tích khoảng 02 m².

+ Kết cấu xây dựng của khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại cụ thể như sau:

▪ Nền bằng bê tông kiên cố, bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

▪ Vách tường bằng bê tông kiên cố, mái lợp tole. Đảm bảo chất thải

không bị tác động bởi yếu tố thời tiết (nắng, mưa,...).

▪ Bên trong có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa và loại/mã chất thải được lưu trữ.

- Bố trí thiết bị lưu chứa CTNH:

+ Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, đảm bảo lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp.

+ Bố trí 03 thùng rác nhựa 60l, có nắp đậy và dán mã chất thải nguy hại.

+ Thiết bị lưu giữ đều được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

b. Công trình xử lý chất thải nguy hại

- Tại dự án thực hiện trang bị thùng rác thu gom và bố trí khu vực lưu trữ chất thải nguy hại tại dự án.

- Khi khối lượng phát sinh tại dự án nhiều sẽ thực hiện chuyển giao chất thải nguy hại tại dự án cho đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ xử lý nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c. Chung loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 12. Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án

Mã chất thải	Tên chất thải	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (Y)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại	Khối lượng
13 02 03	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	18 02 05	A40250	Y1	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	KS	05 kg/năm
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	20 01 21	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	NH	01 kg/năm

Mã chất thải	Tên chất thải	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (Y)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại	Khối lượng
Tổng cộng								06 kg/năm

- Tại thời điểm lập báo cáo dự án không phát sinh chất thải nguy hại.

2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động liên quan đến chất thải

a. Khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào dự án

- *Nguồn và quy mô:* Trong quá trình hoạt động của dự án, các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu, sản phẩm,... ra vào khu vực dự án sẽ phát sinh lượng khí thải phát tán vào môi trường xung quanh.

- *Đề xuất giải pháp:*

+ Bố trí khu vực bãi đậu xe gần cổng ra vào của dự án tránh phát sinh khí thải khi phương tiện di chuyển trong dự án.

+ Quy định nội quy cho các phương tiện ra vào dự án như: Quy định tốc độ đối với các phương tiện di chuyển trong khuôn viên dự án, yêu cầu tắt máy trong thời gian xe chờ,...

+ Bê tông hóa đường giao thông nội bộ, trồng cây xanh xung quanh dự án.

+ Phun nước sân nền để giảm bụi và hơi nóng do phương tiện giao thông ra vào dự án vào mùa khô khi cần thiết.

b. Mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi

- *Nguồn và quy mô:* Mùi hôi phát sinh tại dự án từ thức ăn dư thừa, phân gà,... Nếu việc lưu trữ, sử dụng thức ăn không đúng theo yêu cầu kỹ thuật, không đáp ứng các điều kiện lưu trữ thức ăn sẽ tạo điều kiện cho sự phân hủy kỵ khí diễn ra làm giải phóng các chất khí như NH₃, H₂S,... gây mùi hôi.

- *Đề xuất giải pháp:* Sử dụng đệm lót sinh học trong việc xử lý mùi hôi phân thải chăn nuôi: đệm lót sinh học là lớp đệm trấu đã được xử lý mầm bệnh (khử trùng) trộn chế phẩm vi sinh (men vi sinh Balasa N01). Đệm lót sinh học giúp phân hủy phân gà, tiêu diệt mầm bệnh trong phân, giảm mùi hôi, khí độc trong chuồng, giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường.

c. Hơi thuốc khử trùng

- *Nguồn và quy mô:* Nhằm đảm bảo vệ sinh và các công tác phòng ngừa dịch bệnh cho đàn gia cầm, dự án phải sử dụng các loại hóa chất khử trùng. Tuy nhiên, công nhân khi tiếp xúc với hơi hóa chất khử trùng mà không mang các trang phục, dụng cụ bảo hộ lao động trong thời gian dài hay sử dụng không đúng liều lượng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường không khí.

- *Đề xuất giải pháp:*

+ Sử dụng hóa chất đúng liều lượng, chủng loại, thành phần, không sử dụng các loại hóa chất thuộc danh mục cấm sử dụng hiện hành. Việc phun xịt được thực hiện theo đúng quy trình, tần suất theo đúng quy định.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện phun xịt hóa chất khử trùng: Quần áo bảo hộ, ủng, găng tay, mũ, khẩu trang, kính.

+ Tập huấn cho cán bộ, công nhân về an toàn lao động trong quá trình làm việc đồng thời giám sát việc tuân thủ các biện pháp an toàn lao động.

d. Mùi từ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt với thành phần hữu cơ dễ phân hủy chiếm hơn 50% nếu không có biện pháp quản lý thích hợp, chất thải rắn sinh hoạt có thể phân hủy gây mùi hôi khó chịu với thành phần chủ yếu là mercaptan.

Đề xuất giải pháp:

- Khu vực tập kết rác được bố trí cách xa khu vực chăn nuôi, khu làm việc và nghỉ ngơi của công nhân viên.

- Rác được chứa trong các thùng chứa rác chuyên dụng và tập kết tại khu vực gần lộ nhựa, tạo thuận tiện cho đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển rác đi xử lý hàng ngày.

- Nhân viên vệ sinh có trách nhiệm quét dọn khu tập kết rác sinh hoạt mỗi ngày không để rác rơi vãi gây mùi và gây mất mỹ quan khu vực.

2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- *Nguồn phát sinh:* Quá trình hoạt động sản xuất của dự án, tiếng ồn và độ rung phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau:

+ Hoạt động của các máy móc, thiết bị trong dự án: máy phát điện, máy điều hòa không khí trên mái nhà,...

+ Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án

+ Tiếng ồn từ khu vực chuồng trại chăn nuôi gà: phát sinh chủ yếu từ

hoạt động của gà khi ăn thức ăn, uống nước và vận động.

- *Đề xuất công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:*

+ Bố trí tuyến đường và thời gian vận chuyển hợp lý. Bố trí bên bãi hợp lý cho các phương tiện vận chuyển nhằm hạn chế tối đa tác động đến khu vực xung quanh.

+ Tất cả các phương tiện giao thông sẽ được quản lý tốt khi di chuyển trong dự án nhằm hạn chế tối đa việc phát sinh và ảnh hưởng của tiếng ồn.

+ Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Gia cố nền móng để giảm độ rung và tiếng ồn.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bôi trơn và thay thế các chi tiết hư hỏng theo định kỳ 6 tháng 1 lần.

+ Máy móc thiết bị, máy phát điện được đặt trên các bệ đúc móng chắc chắn, lắp đặt đệm cao su hoặc lò xo chống rung, tường cách âm, kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt.

+ Trồng cây xung quanh khuôn viên dự án và có khoảng cách ly an toàn đối với các nguồn gây ồn trong dự án.

+ Chủ dự án xây dựng khu chuồng nuôi có bậc che di động có thể cách âm.

+ Chuồng cách xa với các công trình đơn vị khác, xa nhà dân nên ảnh hưởng của tiếng ồn từ hoạt động của gà đối với khu vực xung quanh là không đáng kể.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.5.1. Sự cố cháy nổ

Các nguyên nhân có thể gây cháy nổ:

- Hệ thống cấp điện cho dự án có thể gây ra sự cố chập, cháy nổ do tiết diện dây dẫn điện không phù hợp với cường độ dòng điện, các thiết bị bảo vệ điện bị quá tải.

- Cháy, nổ xảy ra do sét đánh.

- Do ý thức kém hoặc không tuân thủ nội quy của dự án như hút thuốc và vứt tàn thuốc bừa bãi đặc biệt là tại các khu vực dễ cháy nổ như: Nhà kho, khu lưu chứa nhiên liệu, chất thải.

- Cháy do bất cẩn trong nấu nướng: Do người sử dụng bếp bất cẩn để cháy thức ăn hoặc bén lửa từ bếp sang các vật liệu dễ cháy khác.

- Nổ bình gas do bình chứa không đạt tiêu chuẩn.

Do vậy, Chủ đầu tư sẽ chú ý đến các công tác phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn trong hoạt động của dự án, tính mạng của người lao động, và hạn chế những mất mát, tổn thất có thể xảy ra.

- *Công trình và biện pháp:*

- + Chủ đầu tư sẽ bố trí các bình chữa cháy, các họng chữa cháy tại các vị trí thích hợp trong khu vực dự án, các khu vực dễ cháy nổ.

- + Các loại nguyên liệu dễ cháy sẽ được chứa và bảo quản ở nơi thoáng mát, có tường bao che để ngăn chặn cháy tràn lan khi có sự cố.

- + Các máy móc, thiết bị phải có lý lịch kèm theo và phải được đo đạc, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật và bảo trì thường xuyên.

- + Chủ đầu tư thường xuyên nhắc nhở, nâng cao ý thức của công nhân về phòng cháy chữa cháy.

2.5.2. Sự cố về tai nạn lao động

Người lao động trực tiếp tham gia sản xuất trong trang trại có nhiều nguy cơ bị lây nhiễm một số bệnh từ gia cầm như: Các bệnh về đường hô hấp, bệnh cúm khi gia cầm mắc bệnh truyền sang người, nhiễm giun, sán do vệ sinh kém, bệnh uốn ván do nhiễm vi trùng uốn ván khi bị xây xát do bất cẩn và một số bệnh lây nhiễm khác.

Nguy cơ nhiễm bệnh đặc biệt là một số bệnh có tính lây lan và khả năng gây tử vong cao như bệnh cúm, có khả năng lây từ người sang người thường gây thiệt hại lớn về kinh tế, tính mạng sức khỏe của cộng đồng và có khả năng bùng nổ dịch bệnh trên phạm vi rộng.

Sự cố tai nạn lao động:

Tai nạn lao động có thể xảy ra bất kỳ thời điểm nào trong quá trình hoạt động chăn nuôi của dự án.

Những nguyên nhân chính dẫn đến sự cố lao động gồm: Nhân viên bất cẩn khi vận hành các máy móc hoặc vận hành thiết bị không theo đúng quy trình kỹ thuật, thiết bị không được kiểm tra định kỳ theo quy định,...

Nếu nhân viên không tuân thủ một số nguyên tắc về an toàn lao động có thể xảy ra một số tai nạn lao động như: Giật điện, bỏng do nhiệt, hóa chất,...

Công trình và biện pháp:

- Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho công nhân làm việc.

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Tập huấn an toàn lao động cho công nhân làm việc tại dự án bao gồm các mối nguy hiểm về tai nạn lao động, các biện pháp phòng tránh để không xảy ra tai nạn lao động cũng như biện pháp sơ cấp cứu khi có tai nạn lao động xảy ra.
- Trang bị đầy đủ các phục trang bảo hộ lao động cần thiết để hạn chế những tác hại cho công nhân .
- Kiểm tra, giám sát công nhân viên tuân thủ thao tác an toàn, vệ sinh lao động.

2.5.3. Dịch bệnh đối với vật nuôi

a. Nguyên nhân

Dịch bệnh là một trong các nguy cơ lớn, thường xảy ra khi: Điều kiện chăn nuôi không đảm bảo vệ sinh; công tác tiêm phòng, xử lý đàn dịch không đúng cách; ảnh hưởng do lây nhiễm từ các vùng dịch bệnh bên ngoài hoặc động vật trung gian truyền bệnh,... Một số dịch bệnh thường gặp trong quá trình chăn nuôi gà: Bệnh Gumboro, Bệnh Newcastle, Bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB), Bệnh viêm hô hấp mãn tính (CRD), Bệnh cầu trùng gà (Coccidiosis), Bệnh nhiễm khuẩn E.Coli (Colibacillosis), Bệnh cắn lông rìa lông (cannibalisme), Cúm gà hay cúm gia cầm.

Dịch bệnh gây thiệt hại nặng nề về mặt kinh tế cho Chủ đầu tư, ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của công nhân viên làm việc trực tiếp trong trại chăn nuôi.

Có thể làm lây lan dịch bệnh trên diện rộng nếu không có biện pháp ngăn chặn kịp thời và hiệu quả.

b. Biện pháp

- Chăm sóc và cho gà ốm uống thuốc đúng liều lượng quy định.
- Tạo môi trường sống tốt nhất cho gà. Áp dụng chế độ chăn nuôi khoa học, tiên tiến nhằm tạo đàn gà năng suất cao, sức khỏe tốt
- Cung cấp đầy đủ thức ăn, nước uống. Mỗi nhà nuôi gà được lắp đặt hệ thống đường dẫn nước, máng ăn phù hợp với quy định chăn nuôi
- Dọn vệ sinh sạch sẽ chất độn chuồng, phân, máng ăn máng uống và sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi kỹ lưỡng sau mỗi đợt xuất bán, sau đó để trống chuồng trại trong 15 ngày mới nuôi tiếp đợt khác.

- Thực hiện phun xịt khử trùng định kỳ khu vực chuồng trại và khu vực xung quanh chuồng trại.

- Tập huấn cho công nhân viên quy trình an toàn sinh học của trang trại, các kiến thức, kỹ năng trong chăn nuôi gà.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

a. Danh mục công trình, kế hoạch thực hiện và tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Trong quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị, chủ dự án dự kiến tiến hành đầu tư các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

Bảng 13. Dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT

STT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
I	Giai đoạn xây dựng		
1	Thùng chứa CTR loại nhựa HDPE có dung tích 60 lít, có nắp đậy kín	2	600.000
2	Thùng chứa CTNH loại 60L	1	1.000.000
II	Giai đoạn vận hành		
1	Thùng chứa CTR loại nhựa HDPE có dung tích 60 lít, có nắp đậy kín	3	1.000.000
2	Thùng chứa CTNH loại 60 Lít	3	1.500.000
3	Trồng cây xanh	-	2.000.000
	Tổng		11.700.000

(Nguồn: chủ dự án, 2024)

b. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Chủ dự án tổ chức thực hiện tốt chương trình quản lý và bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành, cụ thể:

+ Tổ chức tập huấn về quản lý môi trường cho nhân viên.

+ Gắn kết chương trình quản lý môi trường và chương trình an toàn, vệ sinh lao động của dự án.

+ Thường xuyên tuyên truyền và hướng dẫn công nhân viên làm việc trong dự án nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

a. Về mức độ chi tiết của các đánh giá

- Căn cứ Phụ lục XI kèm theo Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Báo cáo được bố cục gồm đầy đủ các chương, mục theo quy định. Nội dung các chương, mục được trình bày rõ ràng, tương đối chi tiết như yêu cầu.

- Các thông tin, số liệu mô tả dự án là số liệu dự kiến, số liệu thực tế do Chủ dự án cung cấp.

- Các đánh giá về môi trường nước, môi trường không khí, tiếng ồn đều được thông qua các số liệu khảo sát tại thực địa của dự án và các số liệu phân tích trong phòng thí nghiệm. Các thông số được lựa chọn để xem xét các yếu tố môi trường là tương đối đầy đủ, các vị trí đo đạc, lấy mẫu khảo sát là đại diện cho hoạt động sản xuất của dự án và cho môi trường khu vực có dự án.

- Các rủi ro đã được đánh giá trên cơ sở tổng kết đúc rút những kinh nghiệm thường gặp trong hoạt động thực hiện dự án vì thế nó có tính dự báo cao. Trong quá trình thực hiện dự án luôn chú trọng các biện pháp phòng chống sự cố môi trường để đề xuất được các giải pháp phòng chống sự cố hữu hiệu.

- Các số liệu tham khảo đều ghi rõ nguồn tham khảo, đảm bảo tính chân thực và có thể kiểm tra của số liệu.

b. Về mức độ tin cậy của các đánh giá

- Các số liệu quan trắc chất lượng các thành phần môi trường môi trường: Quá trình thực hiện lấy mẫu tại hiện trường và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm được thực hiện bởi đơn vị có đầy đủ chức năng theo yêu cầu.

- Các số liệu, công thức toán học được sử dụng trong báo cáo nhằm tính toán khái quát tải lượng của các nguồn thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng: Được tham khảo tại các Dự án có quy mô và loại hình tương đương nên có độ chính xác cao.

- Các số liệu, công thức toán học được sử dụng trong báo cáo nhằm tính toán khái quát tải lượng của các nguồn thải phát sinh trong giai đoạn vận hành: Được trích dẫn từ các nguồn tài liệu, dữ liệu cụ thể hoặc tham khảo từ các báo

cáo ĐTM của Dự án tương đương đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, các số liệu thống kê của Tổ chức Y tế thế giới WHO nên đảm bảo về độ tin cậy.

- Phương pháp so sánh, phân tích, đánh giá và dự báo các tác động tiêu cực của dự án được định tính, định lượng qua tính toán, từ các số liệu thống kê tham khảo từ các Dự án khác, tình hình thực tế tại Dự án và so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành nên có độ tin cậy và chính xác cao.

Chương V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh:
 - + Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động chăn nuôi tại dự án: 3,9 m³/ngày.
 - + Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên: 0,2m³/ngày
- Lưu lượng xả thải tối đa: 5m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau ao sinh học của dự án.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:
 - + Thành phần chính của nước thải chăn nuôi chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, cặn bã, các hợp chất hữu cơ như COD, BOD₅, các chất dinh dưỡng như Nitơ và vi sinh. Vì vậy, các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép của dự án là: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Coliforms.
 - + Giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải đề nghị cấp phép không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi QCVN 62:2016/BTNMT, cột B (với hệ số K_q = 0,9, K_f = 1,3) của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

Bảng 14. Giá trị giới hạn của chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 62:2016/BTNMT, cột B
1	pH	-	5,5 – 9
2	BOD ₅	mg/L	100
3	COD	mg/L	300
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	150
5	Tổng Nitơ (Theo N)	mg/L	150
6	Tổng Coliforms	MPN/100 mL	5.000

- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Chế độ xả thải: gián đoạn 3 tháng/lần (Sau mỗi đợt nuôi)

- Phương thức xả thải: Nước thải sau ao sinh học của dự án được xả vào sông Hậu.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:

Nguồn phát sinh: từ phương tiện giao thông, thiết bị, máy móc trong quá trình hoạt động của dự án là nguồn ồn không liên tục chỉ phát sinh khi nhập nguyên liệu và xuất bán gà nên dự án không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.

Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

Dự án chăn nuôi gà Nguyễn Hoàng Luật có phát sinh nước thải sinh hoạt rất ít được xử lý bằng bể tự hoại trước khi xả thải ra môi trường, nước thải sản xuất chỉ phát sinh cuối mỗi đợt nuôi với lưu lượng rất ít và được lưu tại ao sinh học của dự án trước khi thải ra môi trường là kênh nội đồng do đó dự án không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Công văn số 964/KSONMT-CN&NH ngày 11/4/2023 của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải; Phụ lục II và XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Căn cứ theo Điều 97 và Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Căn cứ theo kết quả đánh giá, dự báo các nguồn thải phát sinh từ dự án chăn nuôi gà Nguyễn Hoàng Luật, thì dự án không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ dự án

a) Quan trắc môi trường không khí:

- Vị trí quan trắc:
- + Không khí khu vực dự án cạnh dãy chuồng nuôi
- + Không khí cách khu vực dự án khoảng 50m theo hướng gió
- + Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Bụi, CO, NO₂, SO₂, NH₃, H₂S.
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 05: 2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng

không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.

b) Quan trắc nước thải

- Vị trí quan trắc: Nước thải sau xử lý tại ao sinh học của dự án trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng nitơ và tổng coliform.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B với hệ số K_q = 0,9 và K_f =1,3)

c) Quan trắc chất lượng môi trường nước mặt

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước mặt kênh 915 tại điểm xả thải của dự án

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Nitrat (NO₃⁻ tính theo N) và Coliform.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, Bảng 2, mức B

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ theo chương trình quan trắc của Ông Nguyễn Hoàng Luật và đơn giá được áp dụng theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 18/09/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm tại dự án được dự toán cụ thể như sau:

Bảng 15. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Nước thải				4.326.060
1	pH	Mẫu	2	93.664	187.328
2	TSS	Mẫu	2	235.782	471.564
3	BOD ₅	Mẫu	2	280.468	560.936

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của dự án đầu tư “Trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Hoàng Luật”

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	COD	Mẫu	2	327.901	655.802
5	Tổng nitơ	Mẫu	2	427.589	855.178
6	Coliform	Mẫu	2	797.626	1.595.252
II	Nước mặt				4.287.096
1	pH	Mẫu	2	103.800	207.600
2	TSS	Mẫu	2	235.950	471.900
3	BOD ₅	Mẫu	2	287.494	574.988
4	COD	Mẫu	2	327.449	654.898
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	Mẫu	2	368.256	736.512
6	Coliform	Mẫu	2	820.599	1.641.198
III	Không khí				14.339.224
1	Tiếng ồn	Mẫu	4	290.789	1.163.156
2	Bụi	Mẫu	4	330.459	1.321.836
3	NO ₂	Mẫu	4	523.504	2.094.016
4	SO ₂	Mẫu	4	626.411	2.505.644
5	CO	Mẫu	4	673.716	2.694.864
6	H ₂ S	Mẫu	4	566.438	2.265.752
7	NH ₃	Mẫu	4	573.489	2.293.956
Tổng cộng					22.952.380

Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các pháp luật liên quan khác Ông Nguyễn Hoàng Luật cam kết các thông tin, số liệu nêu trong báo cáo là hoàn toàn chính xác. Cam kết thực hiện, duy trì các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan:

Chủ dự án cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan trong quá trình hoạt động, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện của dự án, cụ thể:

- Nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng hầm tự hoại và xả vào ao sinh học của dự án để lắng và lọc trước khi xả thải ra kênh nội đồng

- Nước thải sản xuất: Được xử lý lắng, lọc tại ao sinh học của dự án trước khi xả thải ra kênh nội đồng.

- Chất thải rắn: Chất thải thông thường, chất thải nguy hại được phân loại, thu gom, vận chuyển và lưu giữ tại thùng chứa chất thải theo đúng quy định, hợp vệ sinh. Ký hợp đồng vận chuyển xử lý chất thải với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Chủ dự án cam kết khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra theo đúng các quy định của pháp luật của Việt Nam.

- Chủ dự án cam kết đền bù và khắc phục các sự cố môi trường khi xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án.

- Chủ dự án cam kết nộp phí bảo vệ môi trường đầy đủ và đúng thời gian.

- Cam kết thực hiện nghiêm túc kế hoạch, chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu.

- Các công trình xử lý môi trường được thi công, lắp đặt đầy đủ, đảm bảo chất lượng. Ông Nguyễn Hoàng Luật hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam, các quy chuẩn Việt Nam và không để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường

PHỤ LỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Hôm nay ngày 20 tháng 09 năm 2023. Tại ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Chúng tôi cùng nhau ký Hợp đồng thuê đất (01 phần) quyền sử dụng đất với nội dung như sau:

BÊN CHO THUÊ: (gọi tắt Bên A)

Gồm có các ông bà có tên như sau:

1. Ông: Nguyễn Văn Minh Năm sinh: 01/01/1971.

CCCD số: 084 071 007 075 Ngày cấp: 10/05/2021.

Nơi cấp: CTCCSQLHC-TTXH

2. Bà: Trần Thị Thuỷ Năm sinh: 01/01/1970.

CCCD số: 084 170 009 392 Ngày cấp: 10/05/2021.

Nơi cấp: CTCCSQLHC-TTXH

3. Bà: Nguyễn Thị Thanh Tuyên Năm sinh: 10/03/1996.

CCCD số: 084 196 005 429 Ngày cấp: 04/02/2022.

Nơi cấp: CTCCSQLHC-TTXH

Cùng địa chỉ: ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Là chủ sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 542, tờ bản đồ số 35, diện tích 11.990,4m², tọa lạc ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

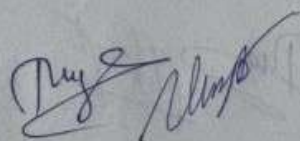
BÊN THUÊ: (gọi tắt Bên B)

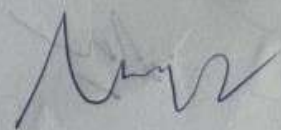
Ông: Nguyễn Hoàng Luật Năm sinh: 05/09/1992.

CCCD số: 086 092 002 933 Ngày cấp: 21/09/2022.











Nơi cấp: CTCCSQLHC-TTXH

Địa chỉ: ấp Tân Qui II, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

ĐIỀU 1:

Bên A đồng ý cho Bên B thuê 01 phần gồm: Lối vào phần đất thuê 775m², phần đất thuê diện tích 5.125m², phần qua rạch của tổng diện tích quyền sử dụng đất diện tích 5.900m², thuộc thửa đất số 542, tờ bản đồ số 35, mục đích sử dụng chăn nuôi, thời hạn sử dụng 15 năm.

Tổng diện tích bên B thuê bên A là: 5.900m².

ĐIỀU 2: THỜI HẠN CHO THUÊ

Thời hạn thuê đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng là 15 năm từ ngày 20-09-2023 đến 20-09-2038

ĐIỀU 3: MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu trên tại Điều 1 của hợp đồng: Thuê để làm chăn nuôi.

ĐIỀU 4: GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Giá thuê: 5.000.000đ(Năm triệu đồng)/1000 m²

Tiền thuê Bên B thanh toán cho Bên A: Tiền mặt cho 03 Đợt/ 05 năm tính từ

Đợt 1: Từ 20-9-2023 đến 20-09-2028 là: 147.500.000đồng (bằng chữ: một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Đợt 2: Từ 20-9-2028 đến 20-09-2033 là: 147.500.000đồng (bằng chữ: một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Đợt 3: Từ 20-9-2033 đến 20-09-2038 là: 147.500.000đồng (bằng chữ: một trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

ĐIỀU 5: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

Bên A có nghĩa vụ sau đây: Giao quyền sử dụng đất cho Bên B theo đúng hợp đồng có giá trị và đảm bảo cho Bên B được sử dụng đất trọn vẹn trên phần đất riêng lẻ trong thời gian thuê

Chuyển giao đất đúng như trên thỏa thuận tại Điều 1 nêu trên cho Bên B
Nhắc nhở bên B bảo vệ, gìn giữ đất và sử dụng đúng mục đích thuê

Bên A có các quyền sau đây:

Yêu cầu bên B trả đủ tiền theo Điều 4 khi thuê

Yêu cầu bên B chấm dứt hợp đồng khi sử dụng không đúng mục đích thuê

ĐIỀU 6: NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

Bên B có nghĩa vụ sau đây:

Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê

Trả tiền đủ theo phương thức đã thỏa thuận nêu ở Điều 4 của hợp đồng

Tuân theo các qui định về bảo vệ môi trường

Không được cho người khác (người thứ 3) thuê lại quyền sử dụng đất nêu trên khi chưa có sự đồng ý của bên A bằng văn bản

Trả lại đất sau khi hết thời hạn

Bên B có các quyền:

Yêu cầu Bên A giao đất đúng như đã thỏa thuận tại Điều 1 nêu trên

Được sử dụng ổn định theo thời hạn thuê

Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất tại Điều 1 của hợp đồng

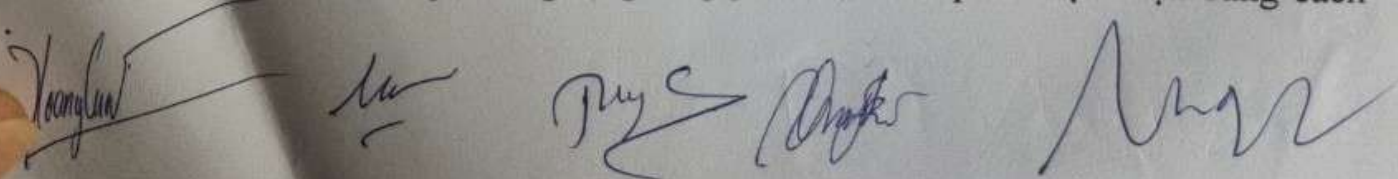
Được hưởng lợi từ bồi thường trên phần đất thuê của bên A tại Điều 1 theo qui định của Nhà nước khi có qui hoạch

ĐIỀU 7: CAM KẾT CỦA 2 BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những cam kết sau:
khai đúng sự thật về tính chính xác của những thông tin về nhân thân trong hợp đồng này

ĐIỀU 8: TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thuê mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng; trong trường hợp không tự giải quyết được cần phải thực hiện bằng cách



Có sửa: Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân
Ngày sửa: 20/9/2023
huluyh

Phạm Thảo Khuyên
Luật

hòa giải; nếu không thành thì đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo qui định của pháp luật

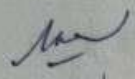
Sau khi hai bên đọc và hiểu rõ quyền và nghĩa vụ, lợi ích, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của hợp đồng này. Đã thống nhất đồng ý ký tên.

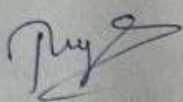
Hợp đồng này gồm bản, mỗi bản gồm tờ.....trang có giá trị pháp lý ngang nhau. Mỗi bên giữ 01 bản, văn phòng công chứng 01 bản./.




BÊN A

(ký tên và ghi rõ họ và tên)

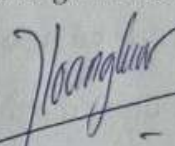

Nguyễn Văn Minh

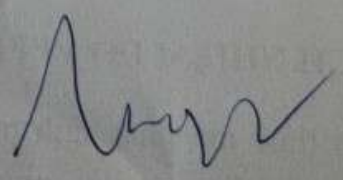

Nguyễn Thị Thanh Huyền

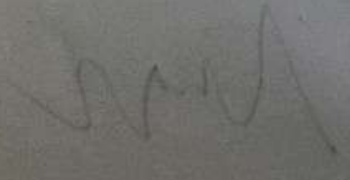

Trần Thị Diệp

BÊN B

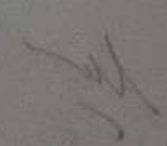
(ký tên và ghi rõ họ và tên)


Nguyễn Hoàng Luật









Lời chứng thực hợp đồng

Ngày 20 tháng 09 năm 2023 (Bằng chữ: Ngày hai mươi, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba).

Tại: UBND xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Tôi.....**Phạm Thảo Khuyến**....., là *phụ UBND xã*.....

Chứng thực:

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp được giao kết giữa:

Bên A:

Ông Nguyễn Văn Minh, CCCD số 084071007075

Bà Trần Thị Thủy, CCCD số 084170009392

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền, CCCD số 084170009392

Bên B: Ông: Nguyễn Hoàng Luật, CCCD số 086092002933

- Các bên tham gia hợp đồng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của hợp đồng.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, các bên tham gia hợp đồng minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và đã cùng ký/điêm chỉ vào hợp đồng này trước mặt ông/bà.....*Lâm Thị Ngọc Nàng*..... là người tiếp nhận hồ sơ.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản chính (mỗi bản chính gồm tờ, trang), cấp cho:

+ Bên A: 01 bản chính;

+ Bên B: 01 bản chính;

Lưu tại Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân: 01 (một) bản chính.

Số chứng thực*641*..... quyền số*01*..... - SCT/HĐ,GD

Người tiếp nhận hồ sơ

(ký, ghi rõ họ, tên)

Lâm Thị Ngọc Nàng

Người thực hiện chứng thực

(ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)



Phạm Thảo Khuyến



Mã số/ Ref. No: 08043/2023/PKQ (23.7031)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **DỰ ÁN "TRẠI CHĂN NUÔI GÀ NGUYỄN HOÀNG LUẬT" -
Ấp Dinh An, Xã An Phú Tân, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước mặt**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.7031.NM .01	Nước mặt kênh nội đồng	X=1093687, Y=0554843

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 20/10/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 27/10/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 08:2023/BTNMT
				23.7031.NM .01	Bảng 2, Mức B ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,38	6 ÷ 8,5
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	35	100
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	12,8	15
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	5,4	6
5	NH ₄ ⁺ (NH ₃ ⁺ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,22	0,3
6	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,2	0,3
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	400	5.000

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. (1) Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước; Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2023



ĐOÀN THỊ THÙY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



Mã số/ Ref. No: 08042/2023/PKQ (23.7031)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TỬ THIỆN**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **DỰ ÁN "TRẠI CHĂN NUÔI GÀ NGUYỄN HOÀNG LUẬT" -
Áp Dinh An, Xã An Phú Tân, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Không khí xung quanh**

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.7031.K.01	Không khí khu vực thực hiện dự án	X=1093624, Y=0554767

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 20/10/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 27/10/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN không khí xung quanh
				23.7031.K.01	Trung bình 1 giờ ⁽¹⁾
1	Tiếng ồn ^(a)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	56,4	70 ⁽²⁾
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	100	300 ⁽³⁾
3	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	58	200 ⁽³⁾
4	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	55	350 ⁽³⁾
5	H ₂ S ^(a)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (MDL=5)	42 ⁽³⁾
6	NH ₃ ^(a)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (MDL=10)	200 ⁽³⁾
7	CO ^(a)	µg/Nm ³	SOP-H16	< 9.000	30.000 ⁽³⁾

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. KPH: Không phát hiện (<MDL) *Not detected*
3. (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
4. (2): QCVN 26.2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
5. (3): QCVN 05.2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

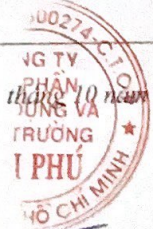
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *Testing results in this test reports are valid only for the sample*
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ *This report will not be reproduced except in full, without approval of company*

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Số hiệu: VIMCERTS 292

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: **VIMCERTS 292**

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú

Trụ sở chính và Phòng thí nghiệm: 156 đường Vườn Lài,
phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: **218** /QĐ-BTNMT ngày **27** tháng **01** năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt
động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Đoàn Thị Thủy Chức vụ: Giám đốc

Số CMT: 025532917

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày cấp: 15 tháng 11 năm 2011

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kể từ ngày ký đến hết ngày **26** tháng **01** năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	Lấy mẫu: 05	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 02	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước biên:	Lấy mẫu: 04	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 02	Đo tại hiện trường: 08 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 34	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 32	Đo tại hiện trường: 12 thông số

3. Đất:

Lấy mẫu: 01

4. Bùn:

Lấy mẫu: 01

5. Trầm tích:

Lấy mẫu: 01

6. Chất thải rắn:

Lấy mẫu: 01

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	37 thông số
- Nước thải:	38 thông số
- Nước biên:	22 thông số
- Nước dưới đất:	35 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh:	19 thông số
- Khí thải:	10 thông số

3. Đất:

13 thông số

4. Bùn:

15 thông số

5. Trầm tích:

08 thông số

6. Chất thải rắn:

10 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận
kèm theo Quyết định số: **218** /QĐ-BTNMT ngày **27** tháng **01** năm 2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường)./

Hà Nội, ngày **27** tháng **01** năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận:

1. Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú

Trụ sở: 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 028.66604779

- Địa chỉ Email: mtdaiphu@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực: **Quan trắc môi trường** (Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 218 /QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Số đăng ký: 292/TN-QTMT.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QI, CL(10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Số: 218 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận "**Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú**", địa chỉ tại 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **292/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 292**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân